

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ



**THÔNG TIN ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
NĂM 2026**

NGÀNH DU LỊCH

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Lời nói đầu	2
Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi	3
Lịch sử của nhà trường	4
Cơ cấu tổ chức	5
Cơ sở vật chất	6
Các ngành đào tạo	7
Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Hoa Lư	8
<i>Chương I: Những quy định chung</i>	8
<i>Chương II: Lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy</i>	11
<i>Chương III: Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp</i>	13
<i>Chương IV: Những quy định khác đối với sinh viên</i>	20
<i>Chương V: Tổ chức thực hiện</i>	23
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	26
Giới thiệu về chương trình đào tạo	26
Mục tiêu chương trình đào tạo	27
Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	31
Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	35
Nội dung chương trình đào tạo	35
MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN	44

LỜI NÓI ĐẦU

Trường Đại học Hoa Lư - Ninh Bình là trường Đại học đa ngành, được thành lập với sứ mạng trở thành: “*Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình và các vùng lân cận*”.

Sau hơn 10 năm thành lập, trường Đại học Hoa Lư đã nỗ lực phấn đấu để khẳng định uy tín và vị thế của Nhà trường về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Quy mô đào tạo của Nhà trường đang dần đi vào ổn định; chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật và hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên và đòi hỏi của xã hội; Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên được quan tâm; nhiều đề tài khoa học có chất lượng tốt, được ứng dụng và chuyển giao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Nhà trường có đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, tâm huyết, yêu nghề; cơ sở vật chất thường xuyên được đầu tư và trang bị bổ sung, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đào tạo của Nhà trường.

Với môi trường học tập năng động, sáng tạo và thân thiện, chất lượng đào tạo của Nhà trường từng bước được nâng lên; sinh viên tốt nghiệp ra trường được các cơ sở sử dụng lao động đánh giá đáp ứng được các yêu cầu về năng lực chuyên môn và tác phong làm việc.

Với mục đích cung cấp cho các em học sinh có nguyện vọng trở thành sinh viên của trường Đại học Hoa Lư những thông tin hữu ích về chọn ngành, chọn nghề cho phù hợp, trường Đại học Hoa Lư biên soạn cuốn *Thông tin đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2025*. Hy vọng rằng, những thông tin được cung cấp sẽ giúp cho các em học sinh có những quyết định đúng đắn, phù hợp về lựa chọn nghề nghiệp cho chính mình trong tương lai.

Cuốn *Thông tin đào tạo* còn là tài liệu cần thiết đối với các thầy cô giáo, các em sinh viên cũng như những ai quan tâm đến hoạt động giáo dục - đào tạo của Nhà trường. Do thời gian gấp rút nên nội dung của cuốn tài liệu này chắc chắn sẽ có những bất cập và thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo, các em sinh viên và quý vị độc giả để lần biên soạn sau được tốt hơn./.

BAN BIÊN TẬP

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sứ mạng:

Trường Đại học Hoa Lư là trường đại học đa ngành, có sứ mạng thực hiện hoạt động giáo dục và đào tạo; hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình và đất nước

2. Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Trường Đại học Hoa Lư trở thành trường đại học đa ngành, đạt chuẩn quốc gia, có uy tín trong khu vực đồng bằng sông Hồng trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đến năm 2045, Trường Đại học Hoa Lư trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực; trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu trong khu vực đồng bằng sông Hồng và đất nước.

3. Giá trị văn hóa:

Chất lượng - Hiệu quả - Chuyên nghiệp - Hiện đại

- *Chất lượng:* Trường Đại học Hoa Lư luôn đặt chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học lên hàng đầu trong mọi hoạt động xây dựng và phát triển của Nhà trường.

- *Hiệu quả:* Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ cho cộng đồng, lợi ích xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

- *Chuyên nghiệp:* Môi trường làm việc thân thiện. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên làm việc chuyên nghiệp, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao và có khả năng thích ứng nhanh với yêu cầu đổi mới và hội nhập trong giáo dục.

- *Hiện đại:* Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học hiện đại; chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật; phương pháp dạy học luôn được đổi mới nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của người học và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

LỊCH SỬ CỦA NHÀ TRƯỜNG

Trường Đại học Hoa Lư được thành lập năm 2007 theo Quyết định số 407/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đây là trường đại học đầu tiên trên vùng đất Cổ đô Hoa Lư lịch sử và văn hiến.

Tiền thân của trường Đại học Hoa Lư là trường Trung học Sư phạm Ninh Bình. Trường được thành lập vào tháng 9 năm 1959, nằm trên địa bàn xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên trình độ Trung cấp ở các bậc học: Mầm non, Tiểu học, cung cấp nguồn nhân lực cho ngành giáo dục tỉnh Ninh Bình và một số tỉnh như Thanh Hóa, Nam Định, Hòa Bình, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Quảng Bình... trong suốt giai đoạn từ 1959 đến 1996.

Ngày 28 tháng 4 năm 1997, Trường Trung học Sư phạm Ninh Bình được nâng cấp thành Trường Cao đẳng sư phạm Ninh Bình và chuyển về địa điểm mới là xã Ninh Nhất - thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình). Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng cho các bậc học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở; tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, nhằm phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh Ninh Bình.

Xuất phát từ nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng như nhu cầu học tập của nhân dân, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Ninh Bình đã xây dựng đề án và ra nghị quyết về việc thành lập Trường Đại học trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Bình. Với sự chung sức, đồng lòng, vượt mọi khó khăn của lãnh đạo, cán bộ, nhân dân tỉnh Ninh Bình và sự giúp đỡ của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Đề án thành lập Trường Đại học Hoa Lư đã được Chính phủ đồng ý phê duyệt. Ngày 09/4/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định thành lập Trường Đại học Hoa Lư trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các tỉnh lân cận.

Sau hơn 10 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Hoa Lư đang từng bước khẳng định uy tín và vị thế của mình trong hệ thống giáo dục đại học trên cả nước; là địa chỉ tin cậy để người dân gửi gắm con em mình vào học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hoa Lư gồm:

1. Ban Giám hiệu

- TS. Vũ Văn Trường - Hiệu trưởng
- TS. Nguyễn Mạnh Quỳnh - Phó Hiệu trưởng
- ThS. Phạm Quang Huân - Phó Hiệu trưởng
- TS. Dương Trọng Luyện - Phó Hiệu trưởng

2. Các đơn vị trực thuộc

- 06 phòng chức năng, gồm: Phòng Tổ chức - Thanh tra, phòng Đào tạo - Khoa học, phòng Đảm bảo chất lượng, phòng Chính trị & Công tác HSSV, phòng Hành chính - Quản trị, phòng Tài chính.

- 06 khoa, gồm: Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non, Khoa Sư phạm Trung học, Khoa Văn hóa - Du lịch, Khoa Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin, Khoa Kinh tế, Khoa Giáo dục thường xuyên.

- 02 bộ môn, gồm: Bộ môn Giáo dục thể chất - Tâm lý, bộ môn Lý luận chính trị.

- 01 trung tâm, gồm: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

- Trường Phổ thông thực hành sư phạm Tràng An.

3. Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam:

Đảng bộ Trường; các chi bộ trực thuộc Đảng bộ.

4. Các đoàn thể và tổ chức xã hội

Nhà trường có 3 đoàn thể và tổ chức xã hội, gồm: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên và Hội Cựu chiến binh.

CƠ SỞ VẬT CHẤT

Địa chỉ: Trường Đại học Hoa Lư, Phường Hoa Lư - Tỉnh Ninh Bình

Tổng diện tích 17,3 ha. Bao gồm các hạng mục công trình sau:

- Hội trường 800 chỗ ngồi.
- Nhà Hiệu bộ 9 tầng.
- Giảng đường A: 46 phòng học.
- Giảng đường B: 55 phòng học (trong đó: 07 phòng máy tính)
- Xưởng thực hành.
- Sân đá bóng, đường chạy, khu bể bơi.
- Nhà thi đấu.
- Nhà thư viện, y tế, nhà ăn.
- Ký túc xá sinh viên có 108 phòng (sức chứa 800 sinh viên)

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC ĐƯỢC BỘ GD&ĐT CẤP PHÉP

TT	Ngành	Thời gian đào tạo (năm)
1	Sư phạm Toán học	04
2	Sư phạm Vật lý	04
3	Sư phạm Hóa học	04
4	Sư phạm Ngữ văn	04
5	Sư phạm Sinh học	04
6	Sư phạm Khoa học tự nhiên	04
7	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	04
8	Giáo dục Mầm non	04
9	Giáo dục Tiểu học	04
10	Giáo dục chính trị	04
11	Kế toán	04
12	Quản trị kinh doanh	04
13	Việt Nam học	04
14	Du lịch	04
15	Khoa học cây trồng	04
16	Công nghệ thông tin	04

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 435/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này là sự cụ thể hóa Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào công tác tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến công tác tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học của Trường.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của Trường áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo được Trường công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá của chương trình đào tạo:

a) Thời gian học tập theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy hệ đại học là 4 năm;

b) Thời gian học tập theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo.

5. Thời gian học tập tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học:

a) Thời gian học tập tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học đối với hình thức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học không vượt quá 2 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá của chương trình đào tạo;

b) Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian học tập tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo tín chỉ, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và hình thức đào tạo. Đây là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 4. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo chính quy:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của Trường.

2. Đào tạo vừa làm vừa học:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 5 của Quy chế này; riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường, cơ sở phối hợp đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

Điều 5. Liên kết đào tạo

1. Trường chỉ thực hiện liên kết đào tạo đối với hình thức vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Không thực hiện việc liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Các yêu cầu tối thiểu đối với cơ sở chủ trì đào tạo:

a) Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định;

b) Chương trình đào tạo dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khoá liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu chương trình đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành;

c) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo;

d) Đã ban hành quy định về liên kết và đã thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo.

3. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp đào tạo:

a) Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo:

a) Cơ sở chủ trì đào tạo và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Cơ sở chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; nếu cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về cơ sở chủ trì liên kết để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

c) Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng cơ sở chủ trì đào tạo bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thỏa thuận giữa hai bên;

d) Cơ sở chủ trì đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.

5. Trường phải báo cáo và xin chủ trương về hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đồng thời có trách nhiệm báo cáo mọi hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Tháng 6 hàng năm, Trường thông báo kế hoạch năm học kế tiếp trong đó thể hiện các mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo tại Trường. Kế hoạch năm học do Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học phối hợp với Khoa Giáo dục thường xuyên xây dựng, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Một năm học có 2 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, tùy tình hình thực tế nhà trường có thể tổ chức học kỳ phụ.

3. Trước mỗi học kỳ, Trường công bố kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, thời gian dự kiến tổ chức thi các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khóa biểu học kỳ được xây dựng và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên trong toàn trường. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khóa học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu

của các lớp học được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học xếp thời khóa biểu đối với đào tạo theo hình thức chính quy, Khoa Giáo dục thường xuyên xếp thời khóa biểu đối với đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học.

Điều 7. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trường giao cho các cố vấn học tập thông báo tới sinh viên kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, thời gian dự kiến tổ chức thi các học phần được tổ chức trong học kỳ đối với từng ngành đào tạo và hướng dẫn sinh viên đăng ký học tập.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Phòng đào tạo - Quản lý khoa học và Khoa Giáo dục thường xuyên thông báo lịch đăng ký chậm nhất 01 tuần trước khi sinh viên bắt đầu đăng ký các học phần dự định sẽ học. Việc đăng ký học phần bằng phiếu hoặc trực tuyến theo quy định.

3. Cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn cho sinh viên về các học phần cần đăng ký đảm bảo đúng các quy định trong chương trình đào tạo, phù hợp với tính chất các loại học phần và phù hợp với năng lực học tập của sinh viên.

Vai trò và trách nhiệm cụ thể của cố vấn học tập được quy định tại Quy định về công tác Cố vấn học tập trong đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường.

4. Sinh viên phải đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần. Khối lượng học tập mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;

b) Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

5. Những sinh viên đăng ký không đủ số tín chỉ tối thiểu, hoặc không nộp học phí theo quy định sẽ không được theo học.

6. Số lượng sinh viên tối thiểu để tổ chức 1 lớp học phần là 15 sinh viên (trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định).

7. Rút bớt học phần đã đăng ký:

a) Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Sinh viên rút bớt học phần đã đăng ký đúng thời hạn theo quy định không phải nộp học phí của khối lượng học tập đã rút. Sau thời hạn trên sinh viên có thể làm đơn xin rút học phần để không tính kết quả học tập nhưng vẫn phải nộp học phí cho học phần được rút. Thời hạn nộp đơn xin rút bớt học phần không quá 2/3 thời gian học của học phần đó. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học xác định thời gian nhận đơn rút bớt khối lượng học tập đối với đào tạo theo hình thức chính quy, Khoa Giáo dục thường xuyên xác định

thời gian nhận đơn rút bớt khối lượng học tập đối với đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học và thông báo cho sinh viên biết để thực hiện.

b) Sinh viên rút bớt các học phần đã đăng ký phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học (đối với sinh viên hệ chính quy) và Khoa Giáo dục thường xuyên (đối với sinh viên hệ vừa làm vừa học);

- Được cố vấn học tập chấp thuận;

- Không vi phạm khoản 4 Điều này;

- Chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi giảng viên giảng dạy nhận giấy báo của Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học hoặc Khoa Giáo dục thường xuyên.

Điều 8. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phương pháp giảng dạy và học tập từng học phần, chương trình đào tạo hướng đến việc phát huy tính chủ động, sáng tạo và nỗ lực học tập của sinh viên; đảm bảo chuẩn chương trình và chuẩn đầu ra, đảm bảo kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Tổ chức thanh tra, giám sát thường xuyên hoạt động dạy và học theo thời khóa biểu và triển khai hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học;

2. Hình thức tổ chức giảng dạy và học tập:

a) Trường tổ chức giảng dạy và học tập theo hình thức trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Trong đó, khối lượng trực tuyến tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc UBND tỉnh Ninh Bình;

b) Hiệu trưởng quy định về tổ chức các lớp học trực tuyến theo các quy định hiện hành về quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng để đảm bảo chất lượng lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học phương thức trực tiếp;

3. Nguyên tắc tổ chức giảng dạy và học tập:

a) Hàng năm, căn cứ vào chương trình đào tạo và số lượng các lớp đào tạo, trường môn phân công các giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên làm thí nghiệm, thực hành, thực tập, khóa luận. Nhà trường tổ chức hội nghị xét duyệt phân công chuyên môn;

b) Giảng viên được phân công giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên thực hiện thí nghiệm, thực hành, thực tập, đồ án, khóa luận và các hoạt động khác thực hiện đầy đủ khối lượng, thời lượng học phần theo đề cương chi tiết học phần và thời khóa biểu. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên; trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan theo quy định của Trường và các quy định pháp luật;

c) Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các các lớp học phần, tham gia đầy đủ các giờ thí nghiệm, thực hành, thực tập; thực hiện nghiêm túc việc thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp và các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học khác. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của của sinh viên được quy định chi tiết tại đề cương chi tiết học phần, quy định về công tác sinh viên và các quy định liên quan;

d) Trường ban hành quy định riêng về việc lấy ý kiến phản hồi của người học, về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học phần, bao gồm việc công khai lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 9. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Việc đánh giá và tính điểm học phần được thực hiện theo quy định dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

a) Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: điểm học phần được đánh giá qua điểm thường xuyên, điểm giữa học phần và điểm thi kết thúc học phần. Quy định cụ thể như sau:

- Điểm thường xuyên: Là trung bình cộng của điểm đánh giá ý thức học tập và các điểm kiểm tra thường xuyên (nếu có). Trong đó:

+ Điểm đánh giá ý thức học tập được đánh giá dựa vào chuyên cần của sinh viên (số tiết sinh viên tham gia thực học và số lần đi muộn) và ý thức học tập của sinh viên trong suốt thời gian học học phần. Sinh viên nghỉ học quá 20% số tiết được đánh giá 0 điểm ý thức học tập và không được dự thi kết thúc học phần. Các tiêu chí đánh giá cụ thể được giảng viên xây dựng chi tiết trong đề cương chi tiết học phần.

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: Là điểm được giảng viên thực hiện bằng các hình thức kiểm tra như: kiểm tra miệng, kiểm tra viết, bài tập hoặc các hình thức khác. Số lượng điểm kiểm tra thường xuyên: Học phần có 1 tín chỉ: không có điểm kiểm tra thường xuyên; học phần có 2 - 3 tín chỉ: có 1 điểm kiểm tra thường xuyên; học phần có 4 tín chỉ trở lên: có 2 điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm giữa học phần: Là điểm của bài kiểm tra giữa học phần (có thể kiểm tra viết, trắc nghiệm hoặc bài tập vận dụng...). Các giảng viên ra đề, tổ chức kiểm tra và chấm bài kiểm tra giữa học phần. Nhà trường khuyến khích các bộ môn tổ chức kiểm tra giữa học phần cho sinh viên các lớp cùng học 1 học phần trong học kỳ để tăng tính khách quan, công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

- Điểm thi kết thúc học phần: Là điểm đánh giá cuối học phần. Hình thức đánh giá, phương pháp đánh giá như phê duyệt trong đề cương chi tiết học phần.

- Cách tính điểm học phần:

$$\text{Điểm học phần} = \frac{2A + 3B + 5C}{10}$$

trong đó: A là điểm thường xuyên

B là điểm giữa học phần

C là điểm thi kết thúc học phần

Các điểm đánh giá được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Đối với các học phần thực hành:

- Điểm học phần gồm điểm ý thức học tập và điểm thực hành. Mỗi tín chỉ phải có ít nhất 03 điểm thực hành. Điểm học phần là trung bình cộng của điểm ý thức học tập và điểm các bài thực hành, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

Bảng điểm học phần thực hành phải có đủ chữ ký của giảng viên, trưởng môn, trưởng khoa giảng dạy và được nộp về Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học đối với hình thức

đào tạo chính quy, nộp về Khoa Giáo dục thường xuyên đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

c) Việc đánh giá điểm thường xuyên, điểm giữa học phần, điểm học phần thực hành do giảng viên giảng dạy trực tiếp đánh giá. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá được thể hiện trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi kiểm tra, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được giảng viên tổ chức kiểm tra, đánh giá ở một đợt khác; trong trường hợp này, điểm kiểm tra, đánh giá được tính điểm lần đầu.

3. Một hoặc nhiều điểm thành phần của một học phần có thể được đánh giá theo hình thức trực tuyến. Hình thức đánh giá này được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần. Hiệu trưởng có quy định cụ thể trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác.

4. Điểm học phần được xếp loại theo thang điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0;

B: từ 7,0 đến 8,4;

C: từ 5,5 đến 6,9;

D: từ 4,0 đến 5,4.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

5. Tổ chức thi kết thúc học phần

a) Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

b) Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần là ít nhất 2/3 ngày cho một tín chỉ. Thời gian làm bài thi được quy định như sau:

Khối lượng kiến thức	Thời gian làm bài thi		Ghi chú
	Đề tự luận	Đề trắc nghiệm	
1 tín chỉ	60 phút	30 phút trở lên	Nếu kết hợp thi trắc nghiệm và tự luận thì thời gian thi tính theo đề tự luận
2 tín chỉ	90 phút		
3 tín chỉ trở lên	120 phút	60 phút trở lên	

c) Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có 80% số giờ trở lên học trên lớp;
- Không vi phạm kỷ luật học tập, nội quy của Trường từ mức cảnh cáo trở lên;
- Đóng học phí đầy đủ và đúng thời gian theo quy định.

d) Sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần ở học phần nào thì phải nhận điểm F ở học phần đó và sinh viên phải đăng ký học lại.

đ) Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở bài thi kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính (được khoa quản lý sinh viên xác nhận) sẽ được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó. Điểm thi kết thúc học phần được tính là điểm thi lần đầu.

Trường hợp không có kỳ thi phụ, sinh viên phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

e) Chậm nhất 03 ngày sau khi kết thúc việc giảng dạy học phần (theo thời khóa biểu), giảng viên báo cáo kết quả giảng dạy và điều kiện dự thi kết thúc học phần kèm điểm thường xuyên và giữa học phần trình trưởng môn và lãnh đạo khoa, bộ môn phê duyệt và công bố cho sinh viên. 01 bản báo cáo và điều kiện dự thi được lưu tại đơn vị tổ chức thi; 01 bản nộp về Phòng Quản lý chất lượng; bản gốc nộp về Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học đối với hình thức đào tạo chính quy, nộp về Khoa Giáo dục thường xuyên đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

g) Phòng Quản lý chất lượng phối hợp với các khoa, bộ môn trong việc tổ chức thi kết thúc học phần.

6. Thi lại, học lại và học cải thiện điểm:

a) Sinh viên có học phần bị điểm F được thi lại bài thi kết thúc học phần 01 lần, trừ trường hợp quy định trong điểm d, khoản 5 Điều này. Điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại không quá điểm C;

b) Sinh viên sau khi thi lại, đánh giá lại nếu có điểm học phần là điểm F thì phải đăng ký học lại như quy định ở khoản 2, khoản 3 Điều 3 của Quy chế này; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

c) Ngoài trường hợp quy định tại điểm a) và điểm b) trong khoản này, sinh viên được quyền đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Điểm học phần được lấy điểm cao nhất trong các lần học;

Thủ tục đăng ký học lại, học cải thiện điểm học phần giống như đối với một học phần mới.

7. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi kết thúc học phần

a) Đề thi kết thúc học phần được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra của học phần, phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình và với chuẩn đầu ra của học phần. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng. Đối với các học phần chưa có ngân hàng đề thi, Hiệu trưởng giao cho Trưởng các khoa, bộ môn trực thuộc và Trưởng các bộ môn học phần công giảng viên ra đề thi kết thúc học phần đảm bảo nguyên tắc: mỗi học phần được ra 3 đề thi kèm đáp án và mỗi giảng viên ra không quá 2 đề, trường hợp đặc biệt không có đủ giảng viên ra đề trưởng các đơn vị báo cáo đề Hiệu trưởng quyết định.

b) Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bài tập nhóm hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng phê duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần trên cơ sở đề xuất

của trường các khoa, bộ môn, Trường phòng Quản lý chất lượng và được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần.

c) Chấm thi kết thúc học phần do 02 giảng viên thực hiện. Với hình thức thi vấn đáp, điểm thi phải được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

d) Điểm thi kết thúc học phần phải ghi theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của giám khảo và cán bộ Phòng Quản lý chất lượng theo quy định.

Bảng điểm thi kết thúc học phần được đơn vị tổ chức thi lập thành 03 bản. 01 bản lưu tại khoa/bộ môn tổ chức thi; 01 bản gửi Phòng Quản lý chất lượng. Bảng điểm gốc được nộp về Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học đối với hình thức đào tạo chính quy, về Khoa Giáo dục thường xuyên đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học chậm nhất 01 tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

đ) Bản gốc bảng điểm học phần được lưu tại Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học đối với hình thức đào tạo chính quy, tại Khoa Giáo dục thường xuyên đối với hình thức vừa làm vừa học; 01 bản lưu tại Phòng Quản lý chất lượng; 01 bản lưu tại đơn vị tổ chức thi và 01 bản lưu tại đơn vị quản lý sinh viên.

8. Thực hiện và đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp

a) Sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định trong chương trình. Việc làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định trong chương trình được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp: Những sinh viên được xếp trình độ năm thứ 3 có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 7,50 trở lên (trong thang điểm 10) bắt buộc phải làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; những sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 7,00 đến dưới 7,50 được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và được nhà trường xem xét cho làm khóa luận tốt nghiệp nếu có giảng viên hướng dẫn.

- Học một số học phần chuyên môn thay thế: Sinh viên không làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn sao cho tổng số tín chỉ của các học phần tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

b) Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp

- Việc đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp có thể thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến;

- Hội đồng chấm đồ án, khóa luận của sinh viên có 5 thành viên trong đó có Chủ tịch Hội đồng, thư ký, ủy viên phản biện và ủy viên là người hướng dẫn. Danh sách thành viên Hội đồng do các bộ môn, khoa đề nghị (qua Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học với hệ chính quy, qua Khoa Giáo dục thường xuyên với hệ vừa làm vừa học) trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân. Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khóa luận tốt nghiệp về Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học với hệ chính quy, về Khoa Giáo dục thường xuyên với hệ vừa làm vừa học và Trung tâm thư viện - Thiết bị. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học;

- Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế;

- Việc đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp bằng hình thức trực tuyến phải được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học. Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

Điều 10. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ và từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như sau:

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

3. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học, điểm trung bình tích lũy được tính theo công thức dưới đây và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học hoặc điểm trung bình tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i ;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

5. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

6. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;

Điều 11. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên bị cảnh báo học tập nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;
- b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;
- c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

- a) Bị cảnh báo kết quả học tập hai lần liên tiếp hoặc quá 4 lần cảnh báo kết quả học tập trong toàn khóa học;
- b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

3. Không sử dụng điểm của các học phần giáo dục quốc phòng-an ninh và giáo dục thể chất khi tính điểm trung bình chung.

4. Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học, Khoa Giáo dục thường xuyên phối hợp với các khoa quản lý chương trình rà soát và thông báo tới các sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập. Cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn cho sinh viên đăng ký học các học phần để đáp ứng đúng tiến độ của chương trình đào tạo.

5. Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học Trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại Trường hoặc tại những cơ sở đào tạo khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc có các chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng thì những sinh viên thuộc diện bị thôi học quy định tại khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp bị buộc thôi học cụ thể trên cơ sở đề xuất của Trưởng phòng Đào tạo - Quản lý khoa học đối với hệ đào tạo hệ chính quy và của trưởng Khoa Giáo dục thường xuyên đối với hệ đào tạo hệ vừa làm vừa học.

Điều 12. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng xác định khối lượng học tập của Trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

Điều 13. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Vào thời điểm kết thúc năm học, Trường tổ chức xét tốt nghiệp cho sinh viên. Trường hợp sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng trước hoặc sau thời điểm xét tốt nghiệp phải làm đơn xin xét tốt nghiệp có xác nhận của khoa quản lý sinh viên gửi về Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học đối với đào tạo hệ chính quy, và về Khoa Giáo dục thường xuyên đối với hệ vừa làm vừa học để trình Hiệu trưởng quyết định.

3. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.

4. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại khoản 5 Điều 10 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

5. Sinh viên không tốt nghiệp nếu có nhu cầu sẽ được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường.

6. Sinh viên đã hết thời gian học tập theo quy định ở khoản 5 Điều 2 nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

7. Sinh viên đã hết thời gian học chính quy được xem xét chuyển qua học hình thức vừa làm vừa học của chương trình tương ứng (nếu có) của Trường nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức đào tạo chuyển đến và được bảo lưu công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với hình thức chuyển đến theo quy định.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 14. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

3. Thủ tục giải quyết nghỉ học tạm thời, tiếp nhận nhập học trở lại:

a) Sinh viên có nhu cầu nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học phải gửi đơn xin nghỉ học tạm thời có xác nhận của khoa, bộ môn quản lý sinh viên, kèm theo các giấy tờ hợp lệ khác (nếu có) trình Hiệu trưởng (qua Phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên) xem xét quyết định. Thời gian nghỉ học tạm thời của sinh viên được xác định rõ trong quyết định nghỉ học tạm thời của Trường.

b) Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại Trường phải viết đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi sinh viên cư trú kèm theo Quyết định cho nghỉ học tạm thời trình Hiệu trưởng (qua Phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên) ít nhất hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

c) Quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn nghỉ học tạm thời sinh viên không làm thủ tục tiếp tục học xem như không có nhu cầu học và tự ý bỏ học.

4. Sinh viên được xin thôi học vì lý do cá nhân trong quá trình học tập tại Trường, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thủ tục giải quyết thôi học như thủ tục nghỉ học tạm thời được quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Sinh viên thôi học được bảo lưu và cấp chứng nhận (nếu có nhu cầu) về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo đã học. Kết quả học tập của sinh viên được bảo lưu không quá thời gian tối đa của chương trình đào tạo. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

Điều 15. Chuyển ngành đào tạo, Chuyển hình thức đào tạo

1. Chuyển ngành đào tạo

a) Trong quá trình học tập, nếu sinh viên có nguyện vọng được xem xét chuyển sang học một ngành đào tạo khác thì tại thời điểm xem xét phải hội đủ các điều kiện sau:

- Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa; không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

- Điểm trung bình chung tích lũy đạt mức trung bình trở lên;

- Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của ngành chuyển đến trong cùng khóa tuyển sinh;

- Ngành chuyển đến còn chỉ tiêu tiếp nhận sinh viên hoặc chưa vượt quá năng lực đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Sinh viên hội đủ các điều kiện quy định có nguyện vọng chuyển ngành gửi đơn có xác nhận của khoa đào tạo trình Hiệu trưởng thông qua Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học đối với hệ đào tạo chính quy, và Khoa Giáo dục thường xuyên đối với đào tạo hệ vừa làm vừa học xem xét quyết định.

c) Kết quả học tập của sinh viên ở chương trình cũ sẽ được bảo lưu và xem xét chuyển đổi sang chương trình mới đối với những học phần có cùng thời lượng học tập, nội dung, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, chuẩn kiến thức khi đối sánh 2 chương trình đào tạo.

d) Thời gian đã học ở chương trình chuyển đi được tính vào thời gian tối đa hoàn thành tiến trình học tập của sinh viên tại Trường theo khoản 5 Điều 2 Quy chế này.

2. Chuyển hình thức đào tạo

a) Trong quá trình học tập nếu sinh viên có nguyện vọng được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học thì tại thời điểm xem xét phải còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

b) Sinh viên có nguyện vọng chuyển hình thức đào tạo phải làm đơn trình Hiệu trưởng thông qua Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học.

c) Kết quả học tập của sinh viên ở chương trình đào tạo theo hình thức chính quy sẽ được bảo lưu sang hình thức đào tạo mới.

d) Thời gian đã học ở hình thức chính quy được tính vào thời gian tối đa hoàn thành tiến trình học tập của khóa học ở hình thức đào tạo mới.

Điều 16. Chuyển cơ sở đào tạo

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học khác được xét chuyển vào Trường nếu thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh của Trường;

c) Ngành chuyển đến của Trường còn chỉ tiêu tiếp nhận sinh viên hoặc chưa vượt quá năng lực đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được Hiệu trưởng trường xin chuyển đi chấp thuận.

2. Sinh viên hội đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này có nguyện vọng chuyển vào Trường gửi đơn trình Hiệu trưởng (qua Phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên) xem xét quyết định vào trước mỗi học kỳ.

3. Kết quả học tập của sinh viên ở trường chuyển đi sẽ được xem xét chuyển đổi sang chương trình đào tạo mới ở Trường đối với các học phần có cùng thời lượng học tập, nội dung, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, chuẩn kiến thức khi đối sánh 2 chương trình đào tạo.

4. Thời gian đã học ở trường chuyển đi được tính vào thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo của sinh viên tại Trường theo khoản 5 Điều 2 Quy chế này.

5. Sinh viên chuyển đi khỏi Trường ngoài thỏa mãn điều kiện tại điểm a Khoản 1 Điều này và phải hoàn tất các nghĩa vụ tài chính, thủ tục theo quy định của Trường và được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

Điều 17. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

1. Căn cứ vào quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, Trường cho phép sinh viên được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

2. Nếu được Hiệu trưởng của hai cơ sở đào tạo đồng ý, sinh viên có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Trong hợp tác đào tạo giữa Trường với các cơ sở đào tạo khác, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

4. Điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo theo quy định của Trường.

Điều 18. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của Trường cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

6. Hàng năm, căn cứ vào thực tế, Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học tham mưu lãnh đạo trường về kế hoạch đào tạo chương trình thứ hai. Các cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn cho sinh viên về việc học chương trình thứ hai, rà soát các điều kiện học chương trình hai theo quy định và ký xác nhận đơn cho người học. Sinh viên nộp đơn về Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học. Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học tập hợp, đề xuất thành lập Hội đồng xác định khối lượng và kế hoạch học tập trình Hiệu trưởng quyết định. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp chương trình thứ hai được thực hiện theo Điều 13 của Quy chế này.

Điều 19. Học liên thông đối với người có văn bằng khác

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đề án tuyển sinh của Trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của Trường, đối với các ngành đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn.

3. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

4. Việc quy định điều kiện, thủ tục tiếp nhận học liên thông được quy định trong quy chế tuyển sinh của Trường. Hiệu trưởng có quy định riêng việc công nhận, chuyển đổi tín chỉ và miễn trừ học phần cho sinh viên liên thông.

Điều 20. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Ban Giám hiệu

1. Căn cứ Quy chế này và các quy định khác có liên quan, Hiệu trưởng hoặc ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo:

a) Ban hành Quyết định tổ chức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo liên thông, liên kết đào tạo (nếu có) bảo đảm đầy đủ các yêu cầu của Quy chế này và các quy định khác có liên quan. Quyết định tổ chức đào tạo phải nêu rõ: tên ngành đào tạo, hình thức đào tạo, đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, địa điểm đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo và các thông tin cần thiết khác.

b) Chỉ đạo các đơn vị và cá nhân có liên quan trong Trường tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế đào tạo trình độ đại học, đảm bảo các hoạt động đào tạo đạt chất lượng, hiệu quả cao.

c) Chỉ đạo tham mưu xây dựng và ban hành các quy trình, thủ tục, hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học (nếu có).

d) Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học; việc thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo của các đơn vị trong Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Trường

1. Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học:

a) Là đầu mối chủ trì tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị và cá nhân trong trường triển khai thực hiện Quy chế này trong các hoạt động đào tạo của Trường;

b) Tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành các Quyết định về tổ chức đào tạo theo hình thức chính quy;

c) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng và trình Hiệu trưởng xem xét, ban hành các quy trình, thủ tục, hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học (nếu có);

c) Hàng tuần, hàng tháng, báo cáo cáo tình hình triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch năm học và việc thực hiện Quy chế này về Ban Giám hiệu theo quy định.

2. Khoa Giáo dục thường xuyên:

a) Tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành các Quyết định về tổ chức đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học;

b) Tổ chức phổ biến Quy chế này đến toàn thể sinh viên các lớp đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học;

c) Định kỳ hàng tuần, báo cáo tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo và việc thực hiện Quy chế này về Ban Giám hiệu theo quy định.

3. Phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên:

a) Tổ chức phổ biến cho sinh viên các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên ngay đầu khóa học;

b) Chủ trì xây dựng, tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục có liên quan đến quá trình học tập của sinh viên tại Trường.

4. Phòng Quản lý chất lượng: Tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành các quy định, quy trình về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá học phần.

5. Phòng Tổ chức - Thanh tra: Phối hợp với Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học tham mưu công tác tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo và tổ chức, quản lý đào tạo theo các quy định của Quy chế này của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

6. Các khoa, bộ môn:

a) Tổ chức phổ biến Quy chế này đến toàn thể viên chức, người lao động và sinh viên do khoa quản lý; triển khai thực hiện các nội dung của Quy chế đào tạo trình độ đại học đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

b) Hàng tuần, báo cáo tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo và việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học của đơn vị về Ban Giám hiệu (qua phòng Đào tạo - Quản lý khoa học với hình thức đào tạo chính quy, qua Khoa Giáo dục thường xuyên với hình thức vừa làm vừa học).

Điều 23. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm:

a) Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học phối hợp với Khoa Giáo dục thường xuyên và Phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên tham mưu Hiệu trưởng báo cáo Bộ

Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Khoa Giáo dục thường xuyên tham mưu Hiệu trưởng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình hoạt động liên kết đào tạo của Trường.

2. Các phòng, khoa có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

a) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Trường;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học và Khoa Giáo dục thường xuyên có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan công khai trên trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo các loại văn bản sau:

a) Quy chế đào tạo và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b) Quyết định mở ngành và các quyết định tổ chức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

e) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Quy chế này.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ tháng 9 năm 2021.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị và cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần bổ sung, chỉnh sửa, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Ban Giám hiệu (qua phòng Đào tạo - Quản lý khoa học) để xem xét, quyết định, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Du lịch của trường Đại học Hoa Lư được xây dựng đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát triển du lịch hiện nay của tỉnh nhà, của đất nước. Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Du lịch được Bộ giáo dục và Đào tạo cấp phép theo Quyết định số 2880/QĐ-BGDĐT ngày 08/8/2018, trường Đại học Hoa Lư bắt đầu tổ chức tuyển sinh từ năm học 2019 - 2020.

Năm 2023, thực hiện kế hoạch số 162/KH – ĐHHL, ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về xây dựng và phát triển CTĐT, CTĐT cử nhân ngành Du lịch của trường tiếp tục được cập nhật, bổ sung và chỉnh sửa nhằm đáp ứng các yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện trong giáo dục và đào tạo.

Năm 2025, thực hiện kế hoạch số 194/KH – ĐHHL, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển CTĐT, CTĐT cử nhân ngành Du lịch được cập nhật, bổ sung và chỉnh sửa lần 2 nhằm phù hợp với các yêu cầu và điều kiện thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học, của nhà tuyển dụng và yêu cầu của xã hội.

Chương trình cử nhân ngành Du lịch của trường Đại học Hoa Lư tập trung cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về du lịch với 131 tín chỉ. Thời gian đào tạo là 4 năm, gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (33 tín chỉ) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ). Trong đó, các học phần bắt buộc và tự chọn được xây dựng, sắp xếp theo tiến trình khoa học để đảm bảo trong 4 năm sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thực tiễn của địa phương và trong nước.

Chương trình nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, kỹ năng tư duy sáng tạo giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động du lịch. Người học được giáo dục ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa, có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế.

Trong quá trình học tập, người học sẽ được đào tạo theo phương châm “học đi đôi với hành”. Bên cạnh kiến thức lý thuyết, người học còn được tham gia vào các chuyến đi học tập dã ngoại, tham quan một số danh thắng, di tích lịch sử - văn hóa... của đất nước, được tham quan và thực tập tại các cơ sở kinh doanh về dịch vụ du lịch có liên kết với nhà trường.

1.2. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Du lịch
- + Tên tiếng Anh: Tourism
- Mã ngành đào tạo: 7810101
- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân Du lịch
- + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Tourism
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Văn hoá – Du lịch
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Hoa Lư
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
- + Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh trên cả nước có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.
- + Phương thức tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh hằng năm của trường Đại học Hoa Lư
- Chuẩn đầu vào:
- + Đã tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương
- + Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành
- + Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của trường Đại học Hoa Lư
- Điều kiện tốt nghiệp:
- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hoa Lư

Toàn diện

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; thích ứng nhanh với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ cộng đồng và trách nhiệm với xã hội.

Sáng tạo

Đào tạo người học có tư duy sáng tạo, có đủ năng lực và trình độ để tạo ra giá trị mới đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của địa phương và đất nước.

Nhân văn

Đào tạo người học có lối sống chân thật, tình cảm, độ lượng, vị tha, khoan dung; có tinh thần yêu nước, yêu quê hương, độc lập, tự chủ, tự cường...

Triết lý giáo dục của trường Đại học Hoa Lư được chuyển tải một cách cụ thể vào chương trình đào tạo và được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hoa Lư được chuyển tải vào chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Du lịch	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hoa Lư		
	Toàn diện	Sáng tạo	Nhân văn

Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	<i>Lý luận Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh</i>			
		Triết học Mác - Lênin	X		X
		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	X	X	X
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	X		X
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X		X
		<i>Khoa học xã hội – nhân văn</i>			
		<i>Phần bắt buộc</i>			
		Pháp luật đại cương	X		X
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	X		X
		Xã hội học đại cương	X		X
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	X		X
		<i>Tiếng Anh</i>			
		Tiếng Anh 1	X	X	
		Tiếng Anh 2	X	X	
		Tiếng Anh 3	X	X	
		<i>Toán học – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường</i>			
		Tin học	X	X	
		Môi trường và phát triển	X		X
		<i>Giáo dục thể chất</i>			
		Giáo dục thể chất 1	X		
		Giáo dục thể chất 2	X		
		Giáo dục thể chất 3	X		
		<i>Giáo dục quốc phòng</i>			
		Giáo dục quốc phòng	X		
	Khối kiến thức cơ sở ngành	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>			
		Tổng quan du lịch	X	X	X
		Quản trị học	X	X	X
		Kinh tế du lịch	X	X	X
		Địa lý du lịch	X	X	X
		Lịch sử văn minh thế giới	X	X	X
		Văn hoá du lịch	X		X
		Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng VN	X	X	X
		Các dân tộc ở Việt Nam	X		X
		Pháp luật du lịch	X		X
	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành và bổ	<i>Kiến thức ngành, chuyên ngành</i>			
		<i>Bắt buộc</i>			
		Tâm lý khách du lịch	X	X	X
		Marketing du lịch	X	X	X
		Quản trị kinh doanh lữ hành	X	X	X
		Quản trị kinh doanh khách sạn	X	X	X
		Tuyến điểm du lịch Việt Nam	X	X	X

	trợ	Hướng dẫn du lịch	X	X	X
		<i>Tự chọn (3/9 học phần)</i>			
		Du lịch văn hóa	X	X	X
		Du lịch sinh thái	X	X	X
		Du lịch cộng đồng và homestay	X	X	X
		Tài nguyên du lịch	X	X	X
		Hành vi tiêu dùng khách du lịch	X	X	X
		Xuất nhập cảnh du lịch	X		X
		Văn hoá Đông Nam Á	X		X
		Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam	X	X	X
		Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	X		X
		<i>Định hướng Quản trị du lịch</i>			
		Thiết kế, phát triển và bán sản phẩm lữ hành	X	X	X
		Nghiep vụ điều hành tour	X	X	X
		Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	X	X	X
		Quản trị lễ tân khách sạn	X	X	X
		Quản trị buồng khách sạn	X	X	X
		Quản trị nhà hàng	X	X	X
		<i>Định hướng Kinh doanh du lịch và sự kiện</i>			
		Nghiep vụ phục vụ khách sạn	X	X	X
		Văn hóa ẩm thực	X	X	X
		Thực tế tuyến điểm du lịch	X	X	X
		Du lịch MICE	X	X	X
		Kỹ năng Teambuilding	X	X	X
		Tổ chức sự kiện du lịch	X	X	X
		<i>Kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành</i>			
		Tiếng Anh chuyên ngành KS - NH	X	X	X
		Tiếng Anh chuyên ngành di tích danh thắng	X	X	X
		Tiếng Anh chuyên ngành du lịch lữ hành	X	X	X
		<i>Kiến thức bổ trợ</i>			
		Sáng tạo và khởi nghiệp			
		<i>Tự chọn (2/3 học phần)</i>			
		Hán Nôm du lịch		X	X
		Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh		X	X
		Kỹ năng thuyết trình		X	X
	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	<i>Thực tập và tốt nghiệp</i>			
		Trải nghiệm nghề nghiệp	X	X	
		Thực tập nghiệp vụ du lịch	X	X	X
		Thực tập	X	X	X
		Khóa luận/ Các học phần thay thế KL	X	X	X
		Thống kê du lịch	X	X	X

		Du lịch bền vững	X	X	X
		Thương mại điện tử trong du lịch	X	X	X
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		X	X	X
	Câu lạc bộ nghề Du lịch		X	X	X
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		X		X
	Hiến máu nhân đạo		X		X
	Hoạt động vì người nghèo, chịu thiên tai (bão, lụt)		X		X
Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	PLO1.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học công nghệ vào cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.	X		X
	PLO1.2	Vận dụng các kiến thức về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế và quản lý để phục vụ hoạt động du lịch	X	X	X
	PLO1.3	Tổng hợp được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến hoạt động cung cấp các dịch vụ du lịch.	X	X	X
	PLO1.4	Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về các nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động du lịch	X	X	
	PLO2.1	Triển khai được các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về du lịch	X	X	X
	PLO2.2	Hoàn thiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm để thích ứng với môi trường làm việc đa dạng	X	X	X
	PLO2.3	Hình thành được ý tưởng khởi tạo việc làm trong lĩnh vực du lịch	X	X	X
	PLO2.4	Sử dụng được Tin học, Ngoại ngữ trong môi trường làm việc đa văn hóa.	X		
	PLO3.1	Hình thành hành vi ứng xử phù hợp, có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, làm việc chuyên nghiệp	X	X	X
	PLO3.2	Hướng dẫn người khác và tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.	X	X	X
	PLO3.3	Nghiên cứu, sáng tạo để phát triển nghề nghiệp phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội.	X	X	X

2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Du lịch có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức, năng lực chuyên môn để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực du lịch, có năng lực

tự nghiên cứu, có khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời, có sức khỏe và ý thức phục vụ cộng đồng, có khả năng khởi nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

Cử nhân ngành Du lịch có khả năng như sau:

Bảng 2. Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Nội dung	Ký hiệu	Mục tiêu cụ thể
Kiến thức	PO1	Có kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội nhân văn, công nghệ để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn
	PO2	Có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành về du lịch để thực hiện công việc trong các doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp ngành du lịch
Kỹ năng	PO3	Có kỹ năng nghiệp vụ để thực hiện được các hoạt động trong lĩnh vực du lịch
	PO4	Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi
	PO5	Có kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế
Mức tự chủ và trách nhiệm	PO6	Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm trong thực hiện công việc chuyên môn, có tinh thần khởi nghiệp

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (plos)

Bảng 3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
Kiến thức (PLO1)		
PLO1.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học công nghệ vào cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp	K3
PI1.1.1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống	K3
PI1.1.2	Liên hệ được các kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, khoa học công nghệ vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
PLO1.2	Vận dụng các kiến thức về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế và quản lý để phục vụ hoạt động du lịch	K3
PI1.2.1	Khái quát hóa được các kiến thức cơ sở về lịch sử, địa lý, văn	K3

	hóa các vùng, miền, quốc gia, khu vực để phục vụ cho hoạt động du lịch	
PI1.2.2	Vận dụng được các kiến thức về khoa học du lịch để đề xuất các ý tưởng và phát triển sản phẩm du lịch	K3
PLO1.3	Tổng hợp được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến hoạt động cung cấp các dịch vụ du lịch	K4
PI1.3.1	Tổng hợp được kiến thức chuyên sâu về văn hóa Việt Nam, tâm lý khách vào trong thực tiễn hoạt động du lịch	K4
PI1.3.2	Phân tích được kiến thức về điểm đến du lịch để thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch	K4
PI1.3.3	Phân tích được nguyên tắc và nội dung cơ bản trong hoạt động quản trị doanh nghiệp du lịch, các kiến thức hỗ trợ cho việc ra quyết định kinh doanh du lịch.	K4
PLO 1.4	Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về các nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động du lịch	K4
PI1.4.1	Chọn lọc được các kiến thức nghiệp vụ và quản trị các tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp du lịch vào thực tiễn hoạt động kinh doanh.	K4
PI1.4.2	Vận dụng tốt kiến thức ngành, chuyên ngành nhằm phát hiện vấn đề, phân tích, đề xuất giải pháp trong kinh doanh và phát triển du lịch tại các điểm đến du lịch và doanh nghiệp du lịch	K3
Kỹ năng (PLO2)		
PLO 2.1	Triển khai được các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về du lịch	S3
PI 2.1.1	Thực hiện được kỹ năng nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực lễ hành và khách sạn	S3
PI 2.1.2	Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong hoạt động du lịch	S3
PLO 2.2	Hoàn thiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm để thích ứng với môi trường làm việc đa dạng	S3
PI 2.2.1	Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình hiệu quả đối với khách hàng, đồng nghiệp và xã hội	S3
PI2.2.2	Xây dựng, tổ chức được các hoạt động nhóm, hoạt động tập thể	S3
PLO2.3	Hình thành được ý tưởng khởi tạo việc làm trong lĩnh vực du lịch	S2
PI2.3.1	Phát hiện và đề xuất cách giải quyết một số vấn đề cơ bản trong lĩnh vực du lịch; Đánh giá nhận định được các nguồn lực về thị trường du lịch	S2
PI2.3.2	Xây dựng kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch	S2
PLO2.4	Sử dụng được Tin học, Ngoại ngữ trong môi trường làm việc đa văn hóa	S3
PI2.4.1	Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng hiệu quả tiếng Anh chuyên ngành trong học tập và các hoạt động du lịch	S3

PI2.4.2	Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản, ứng dụng kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin để hoạt động hiệu quả trong môi trường số và sử dụng được trong học tập, hoạt động nghề nghiệp	S3
Mức tự chủ và trách nhiệm (PLO3)		
PLO3.1	Hình thành hành vi ứng xử phù hợp, có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, làm việc chuyên nghiệp	A4
PI3.1.1	Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp; hành vi ứng xử phù hợp với quy định về văn hóa trong môi trường làm việc	A3
PI3.1.2	Tôn trọng sự khác biệt, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và các giá trị tài nguyên du lịch	A4
PLO3.2	Hướng dẫn người khác và tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	A3
PI3.2.1	Thể hiện tinh thần hợp tác, chủ động, tích cực, sáng tạo trong công việc	A3
PI3.2.2	Tham gia, hỗ trợ về chuyên môn du lịch; Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau	A3
PLO3.3	Nghiên cứu, sáng tạo để phát triển nghề nghiệp phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội	A3
PI3.3.1	Tự đánh giá bản thân theo các tiêu chuẩn nghề nghiệp	A3
PI3.3.2	Xây dựng và thực hiện được kế hoạch bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của nghề nghiệp và hình thành ý tưởng khởi nghiệp	A3

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

- Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

- Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

- Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

Bảng 4. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo (POs)	PLOs										
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	3.3
PO1	x										
PO2		x	x	x							
PO3					x						
PO4						x					
PO5							x	x			
PO6									x	x	x

Bảng 5. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1.1		X	X												
PLO1.2		X			X										
PLO1.3	X				X										
PLO1.4	X			X											
PLO2.1						X		X		X					
PLO2.2									X	X					
PLO2.3							X			X					X
PLO2.4											X				
PLO3.1												X			
PLO3.2													X		
PLO3.3														X	

(Trích từ Bảng mô tả Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 6. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến	

	kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

4. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Du lịch có thể làm các công việc:

- Nhân viên tại các bộ phận kinh doanh trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch như khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức sự kiện, mua sắm lưu niệm...
- Nhân viên tại các bộ phận của công ty lữ hành: điều hành tour, thiết kế tour, hướng dẫn viên du lịch,...
- Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.

Sinh viên ngành Du lịch tại trường Đại học Hoa Lư sau khi tốt nghiệp có thể học liên thông và sau đại học ở các chuyên ngành phù hợp theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại các cơ sở đào tạo trong cả nước.

5. Nội dung chương trình đào tạo

5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình giảng dạy ngành Du lịch được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 7.

Bảng 7. Mối quan hệ giữa các khối học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

Các khối học phần		Số TC	Tỷ lệ (%)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo										
				1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	3.3
Giáo dục đại cương	Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	11	8.4	x					x			x		x
	Khoa học xã hội – nhân văn	9	6.9	x	x			x		x		x		x
	Tiếng Anh	8	6.1						x		x	x		
	Toán học – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường	5	3.8	x							x	x		
	GDTC, GDQP: thực hiện theo Quyết định...													
Giáo dục chuyên nghiệp	Kiến thức cơ sở ngành	21	16		x	x		x	x	x		x	x	x
	Kiến thức ngành và chuyên ngành	40	30.5		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	Kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành	9	6.9			x	x		x		x			x
	Kiến thức bổ trợ	6	4.6	x	x		x	x	x	x		x	x	x

	Thực tế, thực tập và tốt nghiệp	22	16.8			x	x	x	x		x		x	x
Tổng		131	100											

- *Khối kiến thức giáo dục đại cương*: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị; khoa học xã hội – nhân văn; khoa học - công nghệ - môi trường cần thiết cho các học phần khác về du lịch.

- *Khối kiến thức cơ sở ngành*: cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về văn hóa, du lịch, lễ hành để sinh viên có thể theo học các kiến thức chuyên ngành.

- *Khối kiến thức ngành*: cung cấp kiến thức cơ bản về dịch vụ du lịch, có các học phần tự chọn nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của người học.

- *Khối kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành*: cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành khách sạn – nhà hàng; chuyên ngành di tích danh thắng; chuyên ngành du lịch lễ hành.

- *Khối kiến thức bổ trợ*: cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Hán Nôm du lịch; Khởi sự kinh doanh và một số kỹ năng nhằm hỗ trợ thực hiện hoạt động du lịch trong thực tiễn.

- *Thực tập*: giúp sinh viên củng cố và hệ thống hóa kiến thức lý luận, đồng thời vận dụng kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề của thực tiễn trong du lịch tại các đơn vị thực tập; có cơ hội quan sát, tiếp cận, tham gia thực hành một số kỹ năng du lịch; có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nội quy; có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

- *Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp*: sinh viên có thể làm khóa luận tốt nghiệp (nếu đủ điều kiện) hoặc chọn các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

5.2. Danh sách học phần

Bảng 8. Danh sách học phần trong chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/thí nghiệm/ thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương						
	Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh		11			
1	010615001	Triết học Mác - Lênin *	3 (3;0)	45	0	105
2	010615002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin *	2 (2;0)	30	0	70
3	010615003	Chủ nghĩa xã hội khoa học *	2 (2;0)	30	0	70
4	010615004	Tư tưởng Hồ Chí Minh *	2 (1.5;0.5)	22.5	15	62.5

5	010615005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *	2 (2;0)	30	0	70
	Khoa học xã hội – nhân văn		9			
6	010615020	Pháp luật đại cương *	3 (3;0)	45	0	105
7	010408003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2 (2;0)	30	0	70
8	010204050	Xã hội học đại cương	2 (2;0)	30	0	70
9	010716002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (2;0)	30	0	70
		Tiếng Anh	8			
10	010313001	Tiếng Anh 1 *	2 (1;1)	15	30	55
11	010313002	Tiếng Anh 2 *	3 (2;1)	30	30	90
12	010313003	Tiếng Anh 3 *	3 (2;1)	30	30	90
	Toán học – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường		5			
13	010314063	Tin học	3 (2;1)	30	30	90
14	010510017	Môi trường và phát triển	2 (2;0)	30	0	70
	Giáo dục thể chất		3			
15	010116001	Giáo dục thể chất 1	1 (0;1)	0	45	5
16	010116002	Giáo dục thể chất 2	1 (0;1)	0	45	5
17	010116003	Giáo dục thể chất 3	1 (0;1)	0	45	5
	Giáo dục quốc phòng					
18		Giáo dục quốc phòng	165 tiết			
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
	Kiến thức cơ sở ngành		21			
19	010409001	Tổng quan du lịch *	2 (2;0)	30	0	70
20	010511002	Quản trị học	3 (2;1)	30	30	90
21	010409002	Kinh tế du lịch *	2 (2;0)	30	0	70
22	010204046	Địa lý du lịch	3 (2;1)	30	30	90
23	010204051	Lịch sử văn minh thế giới	2 (1;1)	15	30	55
24	010408032	Văn hoá du lịch	3 (3;0)	30	0	105
25	010408022	Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam	2 (1;1)	15	30	55
26	010408023	Các dân tộc ở Việt Nam	2 (1;1)	15	30	55
27	010409052	Pháp luật du lịch	2 (2;0)	30	0	70
	Kiến thức ngành, chuyên ngành		40			
	Bắt buộc		18			
28	010409057	Tâm lý khách du lịch	3 (3;0)	45	0	105
29	010409005	Marketing du lịch	3 (2;1)	30	30	90
30	010409006	Quản trị kinh doanh lễ hành	3 (2;1)	30	30	90
31	010409056	Quản trị kinh doanh khách sạn	3 (3;0)	45	0	105
32	010409009	Tuyến điểm du lịch Việt Nam *	3 (2;1)	30	30	90
33	010409034	Hướng dẫn du lịch	3 (2;1)	30	30	90
	Tự chọn 3/9 học phần		6			
34	010409018	Du lịch văn hóa	2 (2;0)	30	0	70
35	010409037	Du lịch sinh thái	2 (2;0)	30	0	70

36	010409020	Du lịch cộng đồng và homestay	2 (2;0)	30	0	70
37	010409023	Tài nguyên du lịch	2 (2;0)	30	0	70
38	010409045	Hành vi tiêu dùng khách du lịch	2 (2;0)	30	0	70
39	010409061	Xuất nhập cảnh du lịch	2 (2;0)	30	0	70
40	010408033	Văn hóa Đông Nam Á	2 (2;0)	30	0	70
41	010408010	Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam	2 (2;0)	30	0	70
42	010408009	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	2 (2;0)	30	0	70
<i>Chuyên ngành Quản trị du lịch</i>			16			
43	010409041	Thiết kế, phát triển và bán sản phẩm lữ hành	2 (0;2)	0	60	40
44	010409060	Nghiep vụ điều hành tour	3 (1;2)	15	60	75
45	010511025	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	2 (2;0)	30	0	70
46	010409046	Quản trị lễ tân khách sạn	3 (2;1)	30	30	90
47	010409047	Quản trị buồng khách sạn	3 (3;0)	45	0	105
48	010409048	Quản trị nhà hàng	3 (2;1)	30	30	90
<i>Chuyên ngành Kinh doanh du lịch và sự kiện</i>			16			
49	010409011	Nghiep vụ phục vụ khách sạn	5(2;3)	30	90	130
50	010408007	Văn hóa ẩm thực	2 (2;0)	30	0	70
51	010409065	Thực tế tuyển điểm du lịch	2 (0;2)	0	60	40
52	010409021	Du lịch MICE	2 (2;0)	30	0	70
53	010409025	Kỹ năng Teambuilding	2 (1;1)	15	30	55
54	010409062	Tổ chức sự kiện du lịch	3 (3;0)	45	0	105
Kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành			9			
55	010313018	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn - nhà hàng	3 (2;1)	30	30	90
56	010313019	Tiếng Anh chuyên ngành di tích danh thắng	3 (2;1)	30	30	90
57	010313020	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch lữ hành	3 (2;1)	30	30	90
Kiến thức bổ trợ			6			
Bắt buộc			2			
58	010511024	Sáng tạo và Khởi nghiệp	2 (1;1)	15	30	55
<i>Tự chọn 2/3 học phần</i>			4			
59	010203016	Hán Nôm du lịch	2 (1;1)	15	30	55
60	010408024	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2 (1;1)	15	30	55
61	010408015	Kỹ năng thuyết trình	2 (1;1)	15	30	55
Thực tập và tốt nghiệp			22			
62	010409055	Trải nghiệm nghề nghiệp	2 (0;2)	0	60	40
63	010409058	Thực tập nghiệp vụ du lịch	4(0;4)	0	120	80
64	010409054	Thực tập	8 (0;8)	0	240	160
65	010409053	Khóa luận tốt nghiệp	8			

	<i>Các học phần thay thế khóa luận</i>		8			
66	010409028	Thống kê du lịch	2 (2;0)	30	0	70
67	010409063	Du lịch bền vững	3 (3;0)	45	0	105
68	010409064	Thương mại điện tử trong du lịch	3 (3;0)	45	0	105
		Tổng	131			

Các học phần đánh dấu () dự kiến giảng dạy trực tuyến*

5.3. Kế hoạch dạy học

Bảng 9. Kế hoạch dạy học

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm / Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá	Tiền quyết	Học trước	Song hành
1	16	1	010116001	Giáo dục thể chất 1	1(0;1)	0	45	5	Không	Không	Không
		2	010313001	Tiếng Anh 1	2(1;1)	15	30	55	Không	Không	Không
		3	010408003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(2;0)	30	0	70	Không	Không	Không
		4	010204046	Địa lý du lịch	3(2;1)	30	30	90	Không	Không	Không
		5	010204051	Lịch sử văn minh thế giới	2(1;1)	15	30	55	Không	Không	Không
		6	010314063	Tin học	3(2;1)	30	30	90	Không	Không	Không
		7	010204050	Xã hội học đại cương	2(2;0)	30	0	70	Không	Không	Không
		8	010409001	Tổng quan du lịch	2(2;0)	30	0	70	Không	Không	Không
2	17	1	010116002	Giáo dục thể chất 2	1(0;1)	0	45	5	010116001	Không	Không
		2	010313002	Tiếng Anh 2	3(2;1)	30	30	90	010313001	Không	Không
		3	010510017	Môi trường và phát triển	2(2;0)	30	0	70	Không	Không	Không
		4	010408023	Các dân tộc ở Việt Nam	2(1;1)	15	30	55	010408003	Không	Không
		5	010409057	Tâm lý khách du lịch	3 (3;0)	45	0	105	Không	Không	Không
		6	010511002	Quản trị học	3 (2;1)	30	30	90	Không	Không	Không
		7	010409055	Trải nghiệm nghề nghiệp	2 (0;2)	0	60	40	Không	Không	Không
		8	Tự chọn 2/3 HP		2(1;1)	15	30	55			
3	17	1	010116003	Giáo dục thể chất 3	1(0;1)	0	45	5	010116002	Không	Không
		2	010313003	Tiếng Anh 3	3(2;1)	30	30	90	010313002	Không	Không
		3	010408022	Di tích LS - VH và danh thắng VN	2(1;1)	15	30	55	010408003	Không	Không
		4	010716002	PP nghiên cứu khoa học	2(2;0)	30	0	70	Không	Không	Không
		5	010408032	Văn hoá du lịch	3(3;0)	45	0	105	01040803010409001	Không	Không
		6	010409009	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3(2;1)	30	30	90	010409001	Không	Không
		7	010409002	Kinh tế du lịch	2(2;0)	30	0	70	Không	Không	Không
		8	Tự chọn 2/3 HP		2(1;1)	15	30	55			

4	17	1	010313019	Tiếng Anh chuyên ngành DTDT	3(2;1)	30	30	90	010313003	Không	Không
		2	010511024	Sáng tạo và Khởi nghiệp	2 (1;1)	15	30	55	Không	Không	Không
		3	010409056	Quản trị kinh doanh khách sạn	3 (3;0)	45	0	105	Không	Không	Không
		4	010409006	Quản trị kinh doanh lễ hành	3(2;1)	30	30	90	010409001	Không	Không
		5	010409034	Hướng dẫn du lịch	3(2;1)	30	30	90	010409001	Không	Không
		6	010409005	Marketing du lịch	3(2;1)	30	30	90	Không	Không	Không
5	16	1	010313020	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch lễ hành	3(2;1)	30	30	90	010313003	Không	Không
		2	010615001	Triết học Mác – Lê nin	3(3;0)	45	0	105	Không	Không	Không
		3	010615002	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2(2;0)	30	0	70	Không	010615001	Không
		<i>Định hướng Kinh doanh du lịch và sự kiện</i>									
		4	010409062	Tổ chức sự kiện du lịch	3(3;0)	45	0	105	Không	Không	Không
		5	010409011	Nghệ vụ phục vụ khách sạn	5(2,3)	30	90	130	Không	010409056	Không
		<i>Định hướng Quản trị du lịch</i>									
		4	010409041	Thiết kế phát triển và bán sản phẩm lễ hành	2 (0,2)	0	60	40	010409006	010409009	Không
		5	010409046	Quản trị lễ tân khách sạn	3 (2;1)	30	30	90	Không	010409056	Không
		6	010409047	Quản trị buồng khách sạn	3 (3;0)	45	0	105	Không	010409056	Không
6	16	1	010313018	Tiếng Anh chuyên ngành KS – NH	3(2;1)	30	30	90	010313003	Không	Không
		2	010615003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2;0)	30	0	70	Không	010615002	Không
		3	010615020	Pháp luật đại cương	3(3;0)	45	0	105	010615001	Không	Không
		<i>Định hướng Kinh doanh du lịch và sự kiện</i>									
		4	010409065	Thực tế tuyến điểm du lịch	2 (0,2)	0	60	40	Không	Không	Không
		5	010409021	Du lịch MICE	2 (2;0)	30	0	70	Không	010409056	Không
		6	010409025	Kỹ năng Teambuilding	2 (1;1)	15	30	55	Không	Không	Không
		7	010408007	Văn hóa ẩm thực	2(2;0)	30	0	70	010408003	Không	Không
		<i>Định hướng Quản trị du lịch</i>									
		4	010409060	Nghệ vụ điều hành tour	3 (1;2)	15	60	75	010409006	Không	Không
		5	010511025	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	2 (2,0)	30	0	70	Không	010511002	Không
		6	010409048	Quản trị nhà hàng	3 (2;1)	30	30	90	Không	010409056	Không
7	16	1	010615004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(1.5;0.5)	22.5	15	62.5	Không	010615003	Không
		2	010615005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2(2;0)	30	0	70	Không	010615004	Không

		3	010409052	Pháp luật du lịch	2 (2,0)	30	0	70	Không	Không	Không
		4	010409058	Thực tập nghiệp vụ du lịch	4(0,4)	0	120	80	Không	01040900 60104090 56	Không
		5	Tự chọn 3/9 học phần		2(2;0)	30	0	70			
		6	Tự chọn 3/9 học phần		2(2;0)	30	0	70			
		7	Tự chọn 3/9 học phần		2(2;0)	30	0	70			
8	16	1	010409053	Khóa luận tốt nghiệp /HP thay thế KL	8						
		2	010409054	Thực tập	8 (0,8)	0	240	160			

5.4. Sơ đồ tiến trình đào tạo

Chú thích:

1. Học phần tiên quyết là học phần đã được học trước và phải đạt
2. Học phần học trước là học phần đã được học trước (và có thể chưa đạt)
3. Học phần song hành là học phần học cùng thời điểm hoặc đã học trước
4. Khối kiến thức:

Khối kiến thức đại cương (bắt buộc)

Khối kiến thức đại cương tự

Khối kiến thức ngành tự chọn

Khối kiến thức chuyên nghiệp (bắt buộc)

Học phần thay thế KLTN

5.

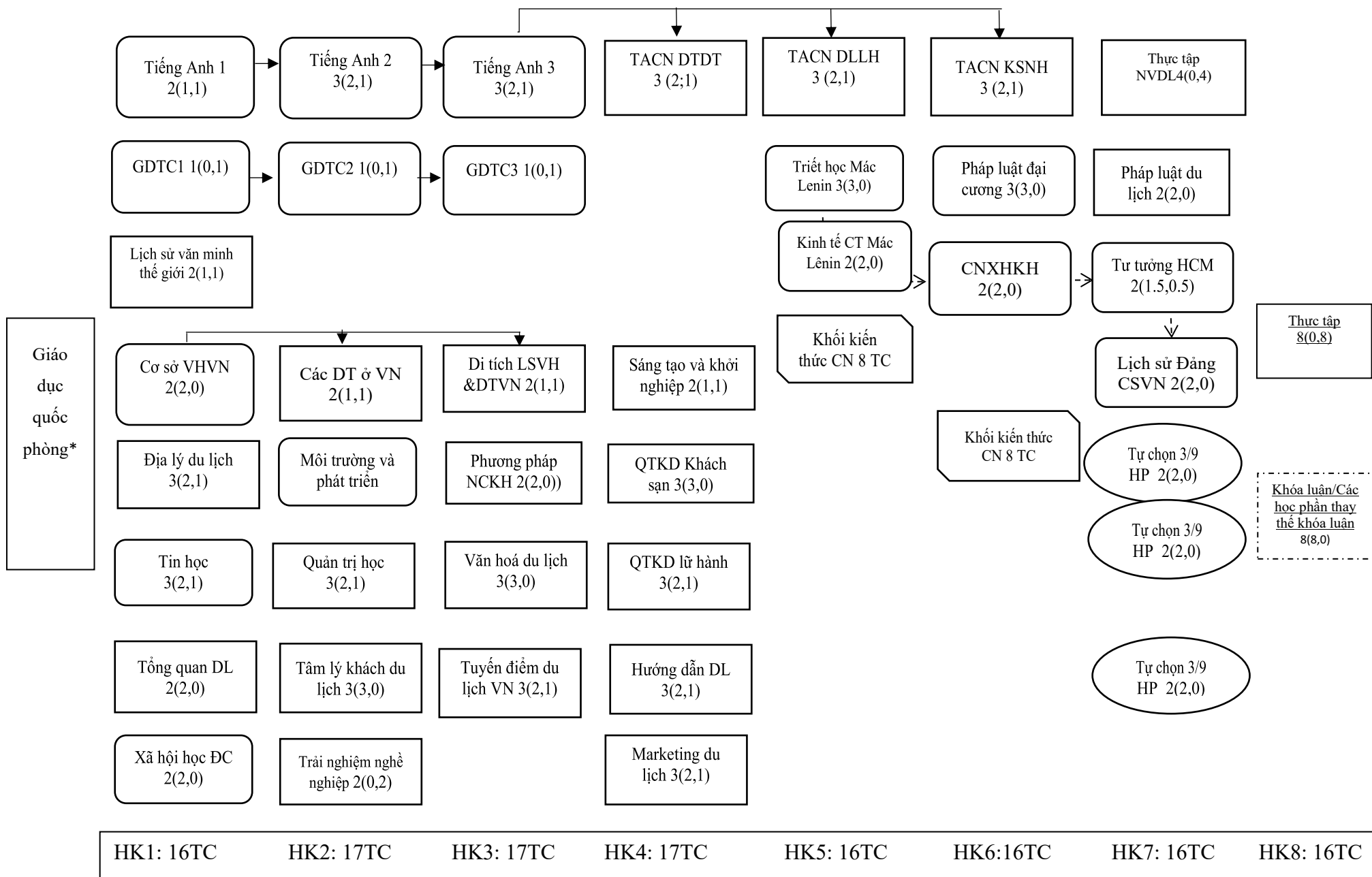
Tên học phần

x(y,z)

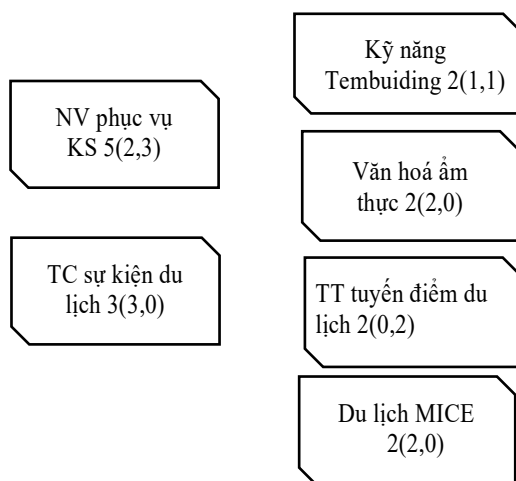
x: Tổng số tín chỉ
y: Số tín chỉ lý thuyết
z: Số tín chỉ thực hành

6. Mối quan hệ:

- Học phần tiên quyết (*học phần cuối mũi tên là tiên quyết của học phần đầu mũi tên*)
- Học phần học trước (*học phần đầu mũi tên là học trước của học phần cuối mũi tên*)



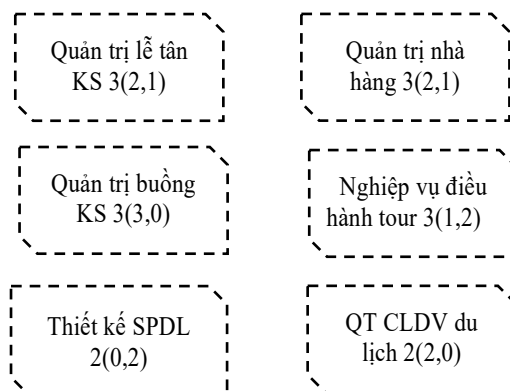
**Khối Kiến thức định hướng
Kinh doanh du lịch và sự kiện**



HK 5

HK6

**Khối kiến thức định hướng
Quản trị du lịch**



HK 5

HK6

6. Mô tả tóm tắt học phần

6.1. Học phần Triết học Mác – Lênin

Mã học phần: 010615001

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác Lê nin và vai trò của triết học Mác –Lê nin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm: vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm: vấn đề hình thái kinh tế- xã hội, giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; triết học về con người.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những nguyên lý và quy luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.
CLO2	K3	Vận dụng những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để giải quyết được những vấn đề đặt ra trong học tập và thực tiễn của cuộc sống.
CLO3	S2	Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của nhóm.
CLO4	A2	Thể hiện được khả năng tự học, tự nghiên cứu.

6.2. Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mã học phần: 010615002

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Nội dung chính gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Diễn giải được những kiến thức cơ bản về quá lịch sử hình thành kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin, lý luận về sản xuất hàng hóa, về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

CLO2	K2	Giải thích những kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam, công nghiệp hóa – hiện đại hóa và quan hệ kinh tế quốc tế ở Việt Nam.
CLO 3	K3	Vận dụng được những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin để giải thích những vấn đề diễn ra trong thực tiễn hoạt động của bản thân, vào việc bảo vệ quan điểm đúng đắn, phản biện lại những tư tưởng sai trái về định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
CLO 4	S2	Xây dựng được kế hoạch làm việc nhóm và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của nhóm.
CLO 5	A2	Thể hiện được khả năng tự lên kế hoạch học tập, tự học, tự tích lũy kiến thức trong quá trình học tập và nghiên cứu. Xây dựng niềm tin vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

6.3. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: 010615003

Số tín chỉ: 02 (2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học. Cụ thể là các vấn đề: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN.
CLO2	K3	Triển khai những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học để giải quyết được những vấn đề đặt ra trong học tập và thực tiễn của cuộc sống.
CLO3	S2	Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của nhóm.
CLO4	A3	Thể hiện khả năng tự học, tự nghiên cứu.

6.4. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: 010615004 **Số tín chỉ:** 02 (1.5, 0.5) **Loại học phần:** Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Tổng số gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, con người; Đạo đức.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
CLO2	K3	Chỉ ra được sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.
CLO3	S3	Xây dựng được kế hoạch làm việc nhóm và triển khai được các nhiệm vụ của nhóm. Hình thành ở người học tư duy độc lập, sáng tạo, biết sử dụng kiến thức đã học giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.
CLO4	A3	Nâng cao tính tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm công dân, tuân thủ các quy định về đạo đức nhà giáo; có tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học, tự nghiên cứu.

6.5. Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: 010615005 **Số tín chỉ:** 02 (2,0) **Loại học phần:** Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO 1	K2	Giải thích được sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng; nội dung, giá trị, ý nghĩa cơ bản của các Cương lĩnh, các chủ trương, đường lối lớn của Đảng qua các thời kỳ lịch sử
CLO2	K3	Vận dụng những nội dung kiến thức của học phần để giải quyết được những vấn đề liên quan đặt ra trong học tập và thực tiễn.
CLO3	S3	Kĩ năng làm việc nhóm và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của nhóm.
CLO4	A3	Thể hiện được ý thức tổ chức kỷ luật, khả năng tự học, tự nghiên cứu.

6.6. Học phần Pháp luật đại cương

Mã học phần: 010615020

Số tín chỉ: 3(3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần gồm những nội dung kiến thức cơ bản về: (1). Nhà nước và pháp luật: Các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay; Quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Các ngành luật trong hệ thống pháp luật nước ta hiện nay; Pháp chế xã hội chủ nghĩa. (2). Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. (3). Quyền con người.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, về hệ thống các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và quyền con người
CLO2	K3	Vận dụng những kiến thức cơ bản của môn học để phân tích, giải quyết được các vấn đề đặt ra trong nhận thức và thực tiễn.
CLO3	S3	Tổ chức một số hoạt động nhóm và hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm để giải quyết các nhiệm vụ học tập của môn học
CLO4	A3	Góp phần định hướng cho sinh viên thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật

6.7. Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mã học phần: 010408003

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về văn hoá học và văn hoá Việt Nam từ khái niệm, đặc trưng, tiến trình văn hóa đến cấu trúc của văn hóa trên các phương diện văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội để sinh viên tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích những kiến thức cơ bản về văn hóa học, tiến trình lịch sử, đặc trưng và bản sắc của văn hóa Việt Nam.
CLO2	K3	Áp dụng những kiến thức hệ thống về văn hóa Việt Nam trong nghiên cứu Việt Nam học, khu vực học và hoạt động du lịch.
CLO3	A3	Thể hiện khả năng tự nghiên cứu về những vấn đề văn hóa Việt Nam từ đó hình thành thái độ tôn trọng sự đa dạng và bản sắc trong văn hóa dân tộc.

6.8. Học phần Xã hội học đại cương

Mã học phần: 010204050

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, một cách có hệ thống các tri thức lý thuyết đại cương về Xã hội học từ những vấn đề chung, khái niệm cơ bản; các phương pháp nghiên cứu Xã hội học cụ thể, đến các lĩnh vực nghiên cứu của Xã hội học cơ bản. Từ đó, giúp cho sinh viên nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội một cách khách quan và khoa học.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những kiến thức cơ bản của Xã hội học.
CLO2	K3	Vận dụng được kiến thức Xã hội học vào hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn.
CLO3	S2	Có kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học Xã hội học vào thực tiễn.
CLO4	A3	Chủ động, tích cực trong học tập và nghiên cứu.

6.9. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần: 010716002

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Nội dung bao gồm: những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học; cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; biết cách viết một công trình khoa học

và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập, nghiên cứu ở đại học.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giảng giải được những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học.
CLO2	K3	Vận dụng những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học trong quá trình nghiên cứu
CLO3	S2	Lựa chọn được đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương, kế hoạch nghiên cứu.
CLO4	A2	Tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập, có khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học, tự nghiên cứu.

6.10. Học phần Tiếng Anh 1

Mã học phần: 010313001

Số tín chỉ: 2 (1;1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng theo chủ điểm, các kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp. Học phần giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng tiếng (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ đầu bậc 2 khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có thể sử dụng tương đối thuần thục các kiến thức đã học để giao tiếp đơn giản trong các tình huống quen thuộc hàng ngày.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	S2	Áp dụng kỹ năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ đầu bậc 2 trong các hoạt động giao tiếp.
CLO2	S2	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ đầu bậc 2 về các chủ đề phổ biến trong công việc và cuộc sống như kỳ nghỉ, thể thao, phim ảnh, âm nhạc, địa lý, lễ hội, sức khỏe, mua sắm, miêu tả người.
CLO3	S2	Giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động trên lớp và ngoài giờ.

6.11. Học phần Tiếng Anh 2

Mã học phần: 010313002

Số tín chỉ: 3 (2, 1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ tương đương cuối bậc 2 đầu bậc 3 dựa vào các kiến thức ngôn

ngữ được cung cấp về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng theo chủ điểm và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh. Sinh viên có thể sử dụng tương đối thuần thục các kiến thức đã học để thực hiện giao tiếp trong các tình huống quen thuộc hàng ngày.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	S2	Áp dụng kỹ năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ cuối bậc 2 đầu bậc 3 để thực hành các hoạt động giao tiếp thông thường.
CLO2	S2	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức tương đương cuối bậc 2 đầu bậc 3 liên quan đến các chủ đề phổ biến như sở thích, nghệ thuật, thiên tai, tai nạn, giải trí, ...
CLO3	S2	Giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động trong lớp và ngoài giờ.

6.12. Học phần Tiếng Anh 3

Mã học phần: 010313003

Số tín chỉ: 3 (2;1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng theo chủ điểm và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp. Học phần giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng tiếng (nghe, đọc, nói, viết) ở trình độ bậc 3 Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có thể phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, cách sử dụng từ và câu phổ biến.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	S3	Áp dụng kỹ năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp trong các hoạt động giao tiếp
CLO2	S3	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ bậc 3 về các chủ đề phổ biến trong công việc và cuộc sống như khoa học kỹ thuật, sự kiện, sở thích, truyền thông và sự nổi tiếng, nghệ thuật...
CLO3	S3	Giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động trên lớp và ngoài giờ

6.13. Học phần Tin học

Mã học phần: 010314063

Số tín chỉ: 3 (2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về chuyển đổi số, đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số, mạng máy tính. Kỹ năng chia sẻ dữ liệu trong mạng LAN, khai thác tài nguyên trên Internet; ứng dụng các công cụ Google vào công tác văn

phòng; sử dụng các nền tảng trực tuyến: tổ chức hội thảo/đào tạo, khảo sát/ kiểm tra đánh giá và công cụ trí tuệ nhân tạo (AI).

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các khái niệm chuyển đổi số, xu hướng và tác động của chuyển đổi số đến các lĩnh vực trong xã hội; các quy định pháp luật, quy tắc đạo đức trong môi trường số.
CLO2	K3	Thực hiện chia sẻ dữ liệu trong mạng LAN, tìm kiếm và khai thác tài nguyên trên Internet.
CLO3	S3	Sử dụng các ứng dụng của Google trong công tác văn phòng.
CLO4	S3	Sử dụng các nền tảng trực tuyến để tổ chức hội thảo/ đào tạo; khảo sát/kiểm tra đánh giá, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI).
CLO5	A3	Thực hiện nghiêm túc, tự giác, tích cực, khoa học đồng thời đảm bảo tính đạo đức và tuân thủ pháp luật trong công việc

6.14. Học phần Môi trường và phát triển

Mã học phần: 010510017

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm và nội dung cơ bản về môi trường, tài nguyên, dân số và phát triển. Mối quan hệ biện chứng giữa môi trường, tài nguyên, dân số và phát triển. Các nguyên nhân và tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí. Các vấn đề môi trường toàn cầu mà con người đang phải đối mặt và các giải pháp hướng đến phát triển bền vững.

Học phần cũng tạo lập cho sinh viên tư duy phân tích và kỹ năng làm việc nhóm và ra quyết định đối với các hoạt động pháp triển hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Diễn giải được các khái niệm và nội dung cơ bản về môi trường, tài nguyên, dân số, phát triển và mối quan hệ giữa chúng, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các vấn đề môi trường toàn cầu mà con người đang phải đối mặt
CLO2	K3	Chỉ ra được các tác động đối với môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp đối với các hoạt động phát triển
CLO3	A3	Có ý thức bảo vệ môi trường, nhận thức rõ những tác động xấu của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của bản thân và cộng đồng, có hành vi đúng đắn trong hoạt động phát triển du lịch vì mục tiêu phát triển bền vững.

6.15. Học phần Giáo dục thể chất 1

Mã học phần: 010116001 **Số tín chỉ:** 1(0;1) **Loại học phần:** Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của môn Bóng rổ, Nguyên lý kỹ chiến thuật, Luật thi đấu môn bóng rổ, Phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu môn Bóng rổ. Thực hiện được các kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật bắt bóng, Kỹ thuật Chuyển bóng, Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật ném rổ, Phối hợp di chuyển chuyển và bắt bóng, Thi đấu ứng dụng, Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Vận dụng các nguyên lý kỹ thuật để thực hiện các kỹ thuật cơ bản của một số nội dung môn Bóng rổ. Và kiến thức đã học để tổ chức tập luyện, tham gia các hoạt động thi đấu.
CLO 2	A3	Có khả năng tự rèn luyện nâng cao sức khỏe phù hợp với điều kiện môi trường học tập, làm việc và trong thực tiễn cuộc sống.

6.16. Học phần Giáo dục thể chất 2

Mã học phần: 010116002 **Số tín chỉ:** 1(0;1) **Loại học phần:** Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lịch sử môn bóng chuyền thể giới và Việt Nam; tác dụng của tập luyện bóng chuyền đối với cơ thể; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền. Thực hiện được các tư thế chuẩn bị và kỹ thuật di chuyển; kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay trước mặt; kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) bằng hai tay trước mặt; kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt; các bài tập phối hợp; phương pháp tổ chức trọng tài và thi đấu môn bóng chuyền; thể lực chung và chuyên môn.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Vận dụng các nguyên lý kỹ thuật để thực hiện các kỹ thuật cơ bản của một số nội dung môn Bóng chuyền. Và kiến thức đã học để tổ chức tập luyện, tham gia các hoạt động thi đấu.
CLO 2	A3	Có khả năng tự rèn luyện nâng cao sức khỏe phù hợp với điều kiện môi trường học tập, làm việc và trong thực tiễn cuộc sống.

6.17. Học phần Giáo dục thể chất 3

Mã học phần: 010116003 **Số tín chỉ:** 1(0;1) **Loại học phần:** Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử môn Cầu lông thể giới và Việt Nam; tác dụng của tập luyện Cầu lông đối với cơ thể; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cầu lông. Thực hiện được các cách cầm cầu, cầm vợt; tư thế chuẩn bị và kỹ thuật di chuyển; kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay; kỹ thuật phòng thủ thấp tay; kỹ thuật phong cầu; hoàn thiện và nâng cao các kỹ thuật đánh cầu; phương pháp tổ chức trọng tài và thi đấu môn Cầu lông; thể lực chung và chuyên môn.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Vận dụng các nguyên lý kỹ thuật để thực hiện các kỹ thuật cơ bản của một số nội dung môn cầu lông. Và kiến thức đã học để tổ chức tập luyện, tham gia các hoạt động thi đấu.
CLO 2	A3	Có khả năng tự rèn luyện nâng cao sức khỏe phù hợp với điều kiện môi trường học tập, làm việc và trong thực tiễn cuộc sống.

6.18. Học phần Giáo dục Quốc Phòng

Thực hiện theo Thông tư số 31/2012 – TT – BGDĐT, ngày 12/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình Quốc phòng – An ninh.

6.19. Học phần Tổng quan du lịch

Mã học phần: 010409001

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức khái quát về du lịch như: các khái niệm cơ bản của khoa học du lịch; lịch sử hình thành và phát triển của hoạt động du lịch; lao động trong du lịch; các điều kiện phát triển du lịch; hoạt động kinh doanh du lịch; mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực có liên quan; để có kiến thức nền tảng về du lịch là cơ sở tiếp cận với các học phần chuyên ngành về du lịch.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về du lịch để làm việc trong hoạt động nghề nghiệp.
CLO2	K3	Xác định được các điều kiện phát triển du lịch, nhu cầu động cơ du lịch, lao động trong ngành du lịch và mối tương tác giữa du lịch và các lĩnh vực khác.
CLO3	S2	Hình thành được ý tưởng kinh doanh du lịch.
CLO4	A3	Thể hiện tinh thần hợp tác, chủ động, tích cực, sáng tạo trong công việc.

6.20. Học phần Quản trị học

Mã học phần: 010511002

Số tín chỉ: 3 (2;1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Quản trị học với kết cấu tín chỉ 3(2;1) là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong CTĐT ngành Du lịch, nội dung cơ bản của học phần gồm:

- Tổng quan về quản trị học; quá trình quản trị thông qua các chức năng cơ bản: hoạch định, tổ chức, quản trị nhân sự, lãnh đạo và kiểm tra; truyền đạt thông tin trong tổ chức và ra quyết định quản trị.
- Vận dụng kiến thức về quản trị vào thực tiễn thông qua việc giải quyết một số tình huống cụ thể.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được: Tính tất yếu, vai trò của hoạt động quản trị, nhà quản trị, quá trình quản trị thông qua các chức năng quản trị cơ bản; các kỹ năng cần thiết và vai trò của nhà quản trị trong tổ chức.
CLO2	K3	Dự báo sự tác động của các yếu tố môi trường kinh doanh, thông tin và ra quyết định quản trị.
CLO3	K3	Triển khai một số chức năng của nhà quản trị thông qua việc giải quyết các tình huống quản trị cụ thể.
CLO4	S3	Hình thành ý tưởng, thiết lập mối quan hệ giữa các nhân viên, giữa nhân viên với nhà quản trị, thực hành giao tiếp, làm việc theo nhóm và giải quyết các tình huống quản trị trong thực tiễn.
CLO5	A3	Có khả năng định hướng, rèn luyện ý thức kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác, có ý thức trách nhiệm khi làm việc cá nhân và theo nhóm.

6.21. Học phần Kinh tế du lịch

Mã học phần: 010409002

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về du lịch và các yếu tố liên quan đến hoạt động tổ chức và kinh doanh trong ngành du lịch như điều kiện phát triển du lịch, thời vụ du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động du lịch, chính sách phát triển du lịch. Học phần cũng trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản để phân tích hiệu quả kinh doanh du lịch và đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố thuộc môi trường kinh doanh đến sự phát triển của doanh nghiệp du lịch, điểm đến.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được các kiến thức cơ bản về du lịch và các yếu tố liên quan đến hoạt động tổ chức và kinh doanh trong ngành du lịch như điều kiện phát triển du lịch, thời vụ du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động du lịch, chính sách phát triển du lịch để áp dụng vào thực tiễn

		hoạt động nghề nghiệp
CLO2	S2	Triển khai được một số phân tích về ảnh hưởng của các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh đến hoạt động phát triển du lịch của doanh nghiệp, địa phương và quốc gia nhằm đưa ra các đề xuất thu hút du khách quay trở lại du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, điểm đến
CLO3	A3	Hình thành thói quen chủ động, tích cực trong học tập và nghiên cứu môn học, định hướng phát triển bản thân

6.22. Học phần Địa lý du lịch

Mã học phần: 010204046

Số tín chỉ: 3 (2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ý nghĩa, tầm quan trọng của sự phát triển du lịch. Những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch, các yếu tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển và phân bố du lịch Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Đưa ra các giải pháp để quy hoạch và phân vùng du lịch Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các nguồn tài nguyên du lịch của đất nước.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Phân tích được các nhân tố tác động tới sự hình thành phát triển và phân bố ngành du lịch.
CLO2	K3	Chỉ ra được những thế mạnh, hạn chế, hiện trạng phát triển của ngành du lịch và các vùng du lịch của đất nước.
CLO3	K3	Đưa ra được một số giải pháp để khai thác phát triển có hiệu quả các nguồn tài nguyên du lịch, của ngành du lịch cũng như các vùng và địa phương của nước ta.
CLO4	A3	Trân trọng, giữ gìn, phát huy và có hành vi ứng xử phù hợp với các giá trị tài nguyên du lịch. Có trách nhiệm và sáng tạo trong công việc.

6.23. Học phần Lịch sử văn minh thế giới

Mã học phần: 010204051

Số tín chỉ: 2(1,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần giới thiệu khái quát thành tựu văn hoá vật chất và tinh thần của nhân loại trong quá trình lịch sử thời cổ đại đến nay.

Nội dung học phần gồm: những dấu hiệu văn minh trong thời kỳ nguyên thủy; sự phát triển và thành tựu nền văn minh thế giới qua những nền văn minh tiêu biểu thời cổ - trung đại ở phương Đông (văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa...) và ở phương Tây (nền văn minh Hy Lạp, La Mã...); về sự xuất hiện nền văn minh công nghiệp; văn minh thế giới thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những vấn đề cơ bản về cơ sở hình thành, thành tựu và những đóng góp của các nền văn minh.
CLO2	K3	Vận dụng được những kiến thức của lịch sử văn minh vào học tập và thực tiễn.
CLO3	S2	Có kỹ năng thuyết trình các vấn đề về lịch sử văn minh nhân loại
CLO4	A3	Trân trọng và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh.

6.24. Học phần Văn hóa du lịch

Mã học phần: 010408032

Số tín chỉ: 3(3;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá và văn hóa du lịch: khái niệm, vai trò của văn hoá trong phát triển du lịch; khai thác giá trị văn hoá trong hoạt động kinh doanh du lịch; văn hoá kinh doanh trong du lịch; văn hoá quản lý trong du lịch; bảo vệ văn hoá trong phát triển du lịch để từ đó người học có kỹ năng thực hiện chương trình văn hóa du lịch nhằm phát huy giá trị văn hóa hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Diễn giải được những vấn đề chung về văn hóa du lịch
CLO2	K3	Nhận diện các giá trị di sản văn hóa trong hoạt động kinh doanh du lịch
CLO3	K3	Vận dụng được kiến thức văn hoá du lịch trong xây dựng tổ chức chương trình du lịch
CLO4	S3	Thực hiện được các kỹ năng trong chương trình văn hoá du lịch
CLO5	A4	Hình thành ý thức gìn giữ bảo vệ những giá trị văn hoá của dân tộc trong hoạt động kinh doanh du lịch

6.25. Học phần Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam

Mã học phần: 010408022

Số tín chỉ: 2 (1,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống di tích lịch sử - văn hóa Việt Nam bao gồm: Hệ thống các khái niệm, vai trò, tiêu chí phân loại và giá trị của di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh Việt Nam; các đặc trưng của các loại hình trong hệ thống di tích lịch sử - văn hóa; một số di tích và danh thắng tiêu biểu của Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
------------	-------------	---------------------------

học phần		
CLO1	K3	Vận dụng các giá trị của di tích lịch sử và danh thắng Việt Nam vào thực tiễn hoạt động nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.
CLO2	K3	Phân tích các đặc trưng cơ bản của từng loại hình di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam.
CLO3	S3	Thực hiện kỹ năng thuyết trình trong môi trường nghề nghiệp.
CLO4	A4	Thể hiện khả năng tự nghiên cứu về hệ thống di tích đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp và hình thành thái độ tôn trọng sự đa dạng và khác biệt trong văn hóa.

6.26. Học phần Các dân tộc ở Việt Nam

Mã học phần: 010408023

Số tín chỉ: 2(1;1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các dân tộc ở Việt Nam theo các vấn đề: Các vấn đề về dân tộc và tộc người; đặc điểm cộng đồng các dân tộc Việt Nam theo nhóm ngữ hệ; văn hóa một số dân tộc tiêu biểu theo nhóm ngữ hệ; văn hóa của các tộc người ở Việt Nam trong xu hướng phát triển hiện nay.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các kiến thức liên quan đến tộc người và cộng đồng các dân tộc Việt Nam
CLO2	K3	Phát hiện một số tộc người theo ngữ hệ thông qua trang phục truyền thống.
CLO3	K3	Vận dụng được các đặc trưng văn hóa vật chất và tinh thần của một số dân tộc ở Việt Nam theo ngữ hệ trong thực tiễn hoạt động du lịch
CLO4	A4	Tôn trọng sự khác biệt, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và các giá trị tài nguyên du lịch.

6.27. Học phần Pháp luật du lịch

Mã học phần: 010409052

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về một số vấn đề cơ bản của pháp luật du lịch như: Một số vấn đề chung về pháp luật du lịch, quản lý nhà nước về du lịch, doanh nghiệp du lịch, khách du lịch, hướng dẫn viên du lịch.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Giải thích được các kiến thức của pháp luật du lịch trong hoạt

		động nghề nghiệp.
CLO2	K3	Triển khai được các kiến thức cơ bản của pháp luật du lịch trong hoạt động nghề nghiệp.
CLO3	A3	Tuân theo hiến pháp và luật pháp Việt Nam, xây dựng bảo vệ Tổ quốc.

6.28. Học phần Tâm lý khách du lịch

Mã học phần: 010409057

Số tín chỉ: 3(3;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý ứng dụng trong du lịch bao gồm: các hiện tượng tâm lý, các quy luật tâm lý xã hội phổ biến trong hoạt động du lịch; các nhân tố ảnh hưởng đến tâm lý khách du lịch. Thông qua lý thuyết về đặc điểm tâm lý của khách trong tiêu dùng du lịch, những đặc điểm tâm lý cá nhân phổ biến của khách du lịch theo vùng lãnh thổ giúp sinh viên có khả năng xử lý tình huống phát sinh và hình thành các kỹ năng giao tiếp, phục vụ hiệu quả trong hoạt động du lịch.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Áp dụng được các kiến thức về tâm lý để nhận biết, đánh giá và điều chỉnh hành vi của con người trong hoạt động du lịch.
CLO2	S3	Có khả năng đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giao tiếp với khách trong hoạt động phục vụ du lịch
CLO3	A3	Tự học, tự nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp

6.29. Học phần Marketing du lịch

Mã học phần: 010409005

Số tín chỉ: 3(2;1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần marketing du lịch trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kinh tế thị trường và marketing, vai trò chức năng của hoạt động marketing. Khái niệm đặc điểm chức năng, phân loại và một số yếu tố ảnh hưởng đến thị trường du lịch. Lập kế hoạch marketing và các hoạt động nghiên cứu thị trường khách du lịch; các chính sách marketing hỗn hợp trong du lịch: sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Triển khai được kiến thức môi trường marketing, thị trường du lịch; marketing đi đến trong việc thực hiện các chính sách trong du lịch. hỗ trợ cho việc ra quyết định kinh doanh du lịch.
CLO2	S2	Đánh giá được môi trường marketing và thị trường du lịch.
CLO3	S3	Đề xuất được các chính sách marketing trong du lịch

CLO4	A3	Có tinh thần hợp tác, chủ động, tích cực, sáng tạo, trách nhiệm trong công việc
------	----	---

6.30. Học phần Quản trị kinh doanh lễ hành

Mã học phần: 010409006

Số tín chỉ: 3(2;1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động quản trị kinh doanh lễ hành như: nội dung của kinh doanh lễ hành, cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp lễ hành, mối quan hệ của doanh nghiệp lễ hành với các nhà cung cấp, xây dựng chương trình du lịch, tổ chức xúc tiến bán và thực hiện sản phẩm lễ hành, môi trường kinh doanh, quản lý chất lượng sản phẩm, hệ thống các tiêu chí đánh giá và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh lễ hành.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị kinh doanh lễ hành
CLO2	S2	Phác thảo được các chương trình du lịch trọn gói ở mức độ cơ bản
CLO3	S2	Phác thảo được kế hoạch xúc tiến bán và thực hiện chương trình du lịch
CLO4	S2	Đề xuất được ý tưởng kinh doanh các sản phẩm lễ hành

6.31. Học phần Quản trị kinh doanh khách sạn

Mã học phần: 010409056

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về loại hình lưu trú khách sạn, cách thức hoạt động kinh doanh khách sạn tại Việt Nam, các phương thức marketing đang được ứng dụng trong ngành khách sạn. Học phần giúp sinh viên biết cách vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn; phát hiện, phân tích và giải quyết một vấn đề thực tiễn tại khách sạn thông qua chuyến đi thực tế được bố trí trong chương trình dạy học.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Liên hệ được các kiến thức tổng quan về kinh doanh khách sạn trong hoạt động kinh doanh du lịch
CLO2	K3	Chỉ ra được các kiến thức liên quan đến tình hình triển khai hoạt động tại các bộ phận chức năng trong khách sạn như bộ phận kinh doanh lưu trú, kinh doanh ăn uống, tổ chức bộ máy, marketing và quản trị chất lượng dịch vụ
CLO3	S3	Đề xuất phương án triển khai một số hoạt động trong

		quản trị khách sạn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh
CLO4	A3	Chủ động hợp tác trong thảo luận và nghiên cứu môn học, có khả năng tự tin thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp

6.32. Học phần Tuyển điểm du lịch Việt Nam

Mã học phần: 010409009

Số tín chỉ: 3 (2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về tài nguyên du lịch Việt Nam và tuyển, điểm du lịch của các vùng du lịch. Trên cơ sở đó, sinh viên nắm được các loại hình du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của từng vùng du lịch cũng như một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng đó.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Phân tích được những kiến thức về tuyển, điểm du lịch và lữ hành trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.
CLO2	K3	Xây dựng các ý tưởng phát triển sản phẩm du lịch, thiết kế và thực hiện được các chương trình văn hoá – du lịch.
CLO3	S3	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trong lĩnh vực văn hóa - du lịch
CLO4	A3	Hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của nghề nghiệp.

6.33. Học phần Hướng dẫn du lịch

Mã học phần: 010409034

Số tín chỉ: 3(2;1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hướng dẫn du lịch; phẩm chất và năng lực cần có của hướng dẫn viên du lịch; những yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch; phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch; bên cạnh đó sinh viên có khả năng thực hành tổ chức hoạt động hướng dẫn và xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được những kiến thức cơ bản về hướng dẫn du lịch
CLO2	S3	Thực hiện được hoạt động tổ chức hướng dẫn tham quan và thuyết minh cho khách du lịch.
CLO3	S3	Linh hoạt xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

CLO4	S3	Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp thuyết trình đem lại hiệu quả trong hoạt động phục vụ du lịch.
CLO5	A3	Tự nghiên cứu, bồi dưỡng chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau và tự đánh giá bản thân theo các tiêu chuẩn nghề nghiệp

6.34. Học phần Du lịch văn hóa

Mã học phần: 010409018

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về du lịch văn hóa và các kỹ năng, nghiệp vụ du lịch văn hóa. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể xây dựng và thực hiện các chương trình, sản phẩm du lịch văn hóa, có thái độ tích cực, chủ động và sáng tạo trong thực tiễn công việc.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Phân tích được các nội dung cơ bản về du lịch văn hóa
CLO2	K4	Tổng hợp được kiến thức về văn hóa để thực hiện các kỹ năng và nghiệp vụ du lịch văn hóa trong hoạt động du lịch
CLO3	S3	Giới thiệu được các chương trình du lịch văn hóa
CLO4	A3	Có thái độ tích cực, chủ động và sáng tạo trong thực tiễn công việc

6.35. Học phần Du lịch sinh thái

Mã học phần: 010409037

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần đề cập tới những nội dung cơ bản của du lịch sinh thái, đó là: các khái niệm liên quan đến du lịch sinh thái; tài nguyên du lịch sinh thái; vai trò của du lịch sinh thái đối với phát triển bền vững; các nguyên tắc và quy hoạch du lịch sinh thái; vai trò, nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch sinh thái và du lịch sinh thái ở Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những kiến thức chung về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái, mối quan hệ giữa du lịch sinh thái và phát triển, quy hoạch du lịch sinh thái
CLO2	K3	Chỉ ra được hoạt động du lịch sinh thái ở Việt Nam
CLO3	S3	Thực hiện được bài thuyết minh hướng dẫn du lịch sinh thái
CLO4	A4	Tuân thủ luật pháp và có ý thức giữ gìn giá trị tài nguyên

6.36. Học phần Du lịch cộng đồng và homestay

Mã học phần: 010409020

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần đề cập tới những nội dung cơ bản của du lịch cộng đồng và homestay, đó là: các khái niệm, đặc điểm liên quan đến du lịch cộng đồng, du lịch homestay; vai trò của du lịch cộng đồng và homestay đối với phát triển bền vững; các điều kiện và nguyên tắc phát triển du lịch cộng đồng, homestay, từ đó sinh viên hình thành được khả năng tổ chức, thực hiện được các ý tưởng và phát triển các sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Khái quát được các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn hóa các vùng, miền, quốc gia, khu vực để tổ chức và thực hiện được các hoạt động du lịch cộng đồng và homestay
CLO2	K3	Vận dụng được những kiến thức chung về du lịch cộng đồng và homestay để đề xuất các ý tưởng và phát triển sản phẩm du lịch
CLO3	A4	Có ý thức tôn trọng sự khác biệt, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và các giá trị tài nguyên du lịch

6.37. Học phần Tài nguyên du lịch

Mã học phần: 010409023

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những vấn đề lý luận và bức tranh chung về tài nguyên du lịch Việt Nam như: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và vai trò của tài nguyên du lịch; điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch; đánh giá tác động của các hoạt động du lịch đến tài nguyên môi trường; quản lý sử dụng, bảo vệ và tôn tạo tài nguyên và môi trường du lịch; tài nguyên du lịch Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch để làm việc trong hoạt động nghề nghiệp.
CLO2	K3	Phát hiện được mối quan hệ của du lịch với tài nguyên, các vấn đề quản lý, khai thác, bảo vệ, tôn tạo tài nguyên – môi trường du lịch của đất nước để đề xuất các ý tưởng và phát triển sản phẩm du lịch
CLO3	A3	Có tinh thần hợp tác, chủ động, tích cực, sáng tạo trong công việc

6.38. Học phần Hành vi tiêu dùng khách du lịch

Mã học phần: 010409045

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những khái niệm cơ bản về hành vi tiêu dùng, hành vi tiêu dùng du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng du lịch; Quá trình ra quyết định của người tiêu dùng du lịch trong mối quan hệ với các nhân tố có liên quan; Nhu cầu du lịch và những xu hướng tiêu dùng du lịch trong hiện tại và tương lai (du lịch xanh, du lịch trách nhiệm, du lịch sáng tạo...)

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Phân tích đặc điểm hành vi người tiêu dùng trong du lịch. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng du lịch, quá trình ra quyết định tiêu dùng du lịch và xu hướng tiêu dùng du lịch hiện đại.
CLO2	K4	Tổng hợp được các kiến thức liên quan đến hành vi tiêu dùng của khách du lịch.
CLO3	S3	Vận dụng kiến thức về hành vi tiêu dùng của khách du lịch đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh du lịch

6.39. Học phần Xuất nhập cảnh du lịch

Mã học phần: 010409061

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức hiểu biết cơ bản về các thủ tục hải quan liên quan đến xuất nhập cảnh cho người nước ngoài tại Việt Nam, thủ tục xuất nhập cảnh cho công dân Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Vận dụng được các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành về công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.
CLO2	K4	Kết hợp kiến thức về các quy định trong quá trình thực hiện làm thủ tục hải quan có liên quan cho khách du lịch Inbound và Outbound.
CLO3	A3	Tuân thủ luật pháp Việt Nam, có ý thức xây dựng bảo vệ bảo vệ Tổ quốc.

6.40. Học phần Văn hoá Đông Nam Á

Mã học phần: 010408033

Số tín chỉ: 2(2;0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Đông Nam Á, đặc trưng cơ bản văn hóa của từng quốc gia trong khu vực để người học thấy được những đặc điểm chung của văn hóa quốc gia với văn hóa khu vực từ đó có thể hiểu được tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Đông Nam Á góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập đất nước.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Diễn giải được những vấn đề chung về khu vực Đông Nam Á
CLO2	K3	Nhận biết các đặc trưng văn hóa của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á
CLO3	S3	Xây dựng bài thuyết minh giới thiệu về văn hóa các quốc gia khu vực Đông Nam Á
CLO4	A4	Hình thành thái độ tôn trọng sự đa dạng và khác biệt trong văn hóa

6.41. Học phần Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam

Mã học phần: 010408010

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về tôn giáo tín ngưỡng: khái niệm, bản chất, nguồn gốc, tính chất, chức năng của tôn giáo; lịch sử hình thành và hệ thống giáo lý của một số tôn giáo thế giới ở Việt Nam; nguồn gốc và đặc điểm của một số tín ngưỡng thờ tổ tiên, thờ Thành hoàng, thờ anh hùng dân tộc, thờ Mẫu.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được kiến thức cơ bản về tôn giáo và tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam
CLO2	K3	Chỉ ra được quá trình du nhập và phát triển của các tôn giáo ở Việt Nam, nguồn gốc và đặc điểm của một số hình thức tín ngưỡng Việt Nam
CLO3	K4	Phân biệt được các hình thức tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam để hướng dẫn khách du lịch
CLO4	S3	Xây dựng bài thuyết minh giới thiệu về các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam
CLO5	A3	Thực hiện các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam theo đúng luật pháp Việt Nam

6.42. Học phần Phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam

Mã học phần: 010408009

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam: cơ sở hình thành và đặc điểm một số phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam nhằm tăng thêm sự hiểu biết về nền văn hóa dân tộc Việt Nam đa dạng đậm đà bản sắc.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Diễn giải các kiến thức cơ bản về phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam
CLO2	K3	Chỉ ra đặc trưng cơ bản của văn hóa dân tộc thông qua một số phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam
CLO3	K4	Nhận diện một số phong tục tập quán, lễ hội truyền thống Việt Nam trong hoạt động văn hóa và du lịch
CLO4	S3	Thực hiện kỹ năng thuyết trình về vấn đề phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam
CLO5	A4	Tôn trọng sự khác biệt, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc thể hiện năng lực tự học tự nghiên cứu

6.43. Học phần Thiết kế, phát triển và bán sản phẩm lữ hành

Mã học phần: 010409041

Số tín chỉ: 2 (0;2)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Thiết kế, phát triển và bán sản phẩm lữ hành là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành du lịch định hướng Quản trị du lịch giới thiệu cho sinh viên về sản phẩm lữ hành, các nguyên tắc thiết kế 1 chương trình du lịch, tính giá tour phù hợp với nội dung và yêu cầu của khách du lịch cũng như mục tiêu của doanh nghiệp lữ hành. Từ đó, môn học trình bày các hoạt động phát triển và bán sản phẩm lữ hành đáp ứng nhu cầu của du khách.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những kiến thức cơ bản về sản phẩm lữ hành
CLO2	S3	Xây dựng được các chương trình du lịch trọn gói nội địa và quốc tế.
CLO3	S2	Hình thành được kế hoạch phát triển và bán sản phẩm lữ hành ra thị trường du lịch.

6.44. Học phần Nghiệp vụ điều hành tour

Mã học phần: 010409060

Số tín chỉ: 3 (1;2)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức chung nhất liên quan đến công việc điều hành tour, các nghiệp vụ chính trong điều hành tour bao gồm tư vấn khách hàng, thực hiện đặt,

giữ chỗ dịch vụ, thực hiện và quản lý tour, xây dựng và duy trì các mối quan hệ trong kinh doanh và một số năng lực khác cần có trong hoạt động điều hành tour.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các kiến thức, kỹ năng liên quan đến hoạt động điều hành tour
CLO2	S3	Thực hiện được những nghiệp vụ chính trong điều hành tour
CLO3	S3	Giải quyết các phát sinh trong quá trình điều hành tour
CLO4	A3	Có khả năng tự nghiên cứu bồi dưỡng chuyên môn đạt tiêu chuẩn nghề nghiệp và thích nghi với môi trường làm việc khác nhau

6.45. Học phần Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch

Mã học phần: 010511025

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch bao gồm những nội dung: chất lượng dịch vụ du lịch, nội dung quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, nhân tố con người và văn hóa trong doanh nghiệp du lịch, hệ thống quản lý chất lượng trong doanh nghiệp du lịch.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các vấn đề về chất lượng dịch vụ du lịch và quản trị chất lượng dịch vụ du lịch
CLO2	K4	Phân tích được các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát các hoạt động quản trị chất lượng trong các doanh nghiệp dịch vụ du lịch
CLO3	S3	Phát hiện vấn đề chất lượng, đề xuất và áp dụng các giải pháp để giải quyết các vấn đề chất lượng phát sinh trong kinh doanh dịch vụ du lịch
CLO4	A3	Đóng góp hình thành ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức và văn hóa kinh doanh cho sinh viên.

6.46. Học phần Quản trị lễ tân khách sạn

Mã học phần: 010409046

Số tín chỉ: 3 (2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần giúp người học nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận về quản trị tác nghiệp lễ tân khách sạn và có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế trong hoạt động phục vụ trực tiếp tại bộ phận lễ tân. Nội dung học phần bao gồm khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận lễ tân; nghiệp vụ đặt buồng, đăng ký khách sạn và dịch vụ hỗ trợ

khách lưu trú, làm thủ tục trả buồng; quản trị tác nghiệp lễ tân; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận lễ tân khách sạn.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các kiến thức nghiệp vụ và quản trị các tác nghiệp cơ bản tại bộ phận lễ tân để áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh du lịch
CLO2	S3	Tổ chức được các hoạt động nghiệp vụ tại bộ phận lễ tân
CLO3	S3	Có khả năng xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh tại bộ phận lễ tân khách sạn
CLO4	A3	Ý thức kỷ luật cao, tự tin thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp

6.47. Học phần Quản trị buồng khách sạn

Mã học phần: 010409047

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cần thiết về cách thức bài trí phòng khách sạn, quy trình và kỹ thuật phục vụ buồng khách sạn, các kỹ năng quản lý điều hành bộ phận phục vụ buồng cũng như kỹ năng xử lý được một số vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hoạt động bộ phận buồng.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Liên hệ được các kiến thức nghiệp vụ và quản trị các tác nghiệp cơ bản tại bộ phận buồng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh.
CLO2	S3	Triển khai được các hoạt động nghiệp vụ tại bộ phận buồng
CLO3	S3	Có khả năng xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh tại bộ phận buồng khách sạn
CLO4	A3	Ý thức kỷ luật cao, tự tin thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp

6.48. Học phần Quản trị nhà hàng

Mã học phần: 010409048

Số tín chỉ: 3 (2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần bao gồm các nội dung chính là khái quát về tổ chức hoạt động nhà hàng; nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ bar, nghiệp vụ phục vụ tiệc và hội nghị; quản trị tác nghiệp nhà hàng, quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận dịch vụ nhà hàng, quản trị doanh thu, kiểm soát chi phí và đánh giá kết quả kinh doanh của nhà hàng.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
---------------------	-------------	---------------------------

CLO1	K4	Tổng hợp được các kiến thức nghiệp vụ và quản trị các tác nghiệp cơ bản tại bộ phận nhà hàng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh.
CLO2	S3	Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ tại bộ phận buồng
CLO3	S3	Có khả năng xử lý các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh tại bộ phận buồng khách sạn
CLO4	A3	Ý thức kỷ luật cao, tự tin thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp

6.49. Học phần Nghiệp vụ phục vụ khách sạn

Mã học phần: 010409011

Số tín chỉ: 5(2;3)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động dịch vụ trong một khách sạn, nhà hàng hiện đại và các quy trình phục vụ (lễ tân, buồng, bar, bàn); thao tác kỹ thuật cơ bản của các dịch vụ cùng với những phong cách phục vụ và phương pháp ứng xử của cán bộ, nhân viên, các bộ phận trực tiếp kinh doanh đối với mọi đối tượng khách đến khách sạn - nhà hàng du lịch. Thông qua những kiến thức nghiệp vụ, sinh viên có được những phẩm chất và năng lực để thực hành, tổ chức hoạt động kinh doanh khách sạn đạt hiệu quả.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Phân tích được các kiến thức hoạt động phục vụ ở các bộ phận dịch vụ trong khách sạn
CLO2	S3	Tổ chức được quy trình phục vụ của các bộ phận trong khách sạn để đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.
CLO3	S3	Hoàn thành được các thao tác kỹ thuật, các kỹ năng phục vụ trong công việc thực tiễn của khách sạn.
CLO4	S3	Linh hoạt xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động phục vụ tại khách sạn.
CLO5	A3	Có khả năng đánh giá bản thân theo các tiêu chuẩn nghề nghiệp

6.50. Học phần Văn hóa ẩm thực

Mã học phần: 010408007

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản liên quan đến ẩm thực và ẩm thực Việt Nam như: khái niệm văn hóa ẩm thực, ẩm thực dưới các góc độ, nền tảng ẩm thực; đặc trưng ẩm thực, phong cách và nghệ thuật ẩm thực ba miền ở Việt Nam. Đồng thời học phần cũng giới thiệu tập quán và khẩu vị ăn uống theo khu vực và tôn giáo trên thế giới.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
---------	------	--------------------

phần		
CLO1	K2	Giải thích được các kiến thức cơ bản về văn hóa ẩm thực nói chung và văn hóa ẩm thực Việt Nam nói riêng
CLO2	K3	Chỉ ra được đặc trưng văn hóa ẩm thực truyền thống của Việt Nam
CLO3	K4	Phân biệt được ẩm thực Việt Nam và ẩm thực thế giới; ẩm thực ba miền ở Việt Nam; tập quán và khẩu vị ăn uống của các tôn giáo trên thế giới để phục vụ ăn uống cho từng đối tượng khách
CLO4	S3	Xây dựng bài thuyết minh giới thiệu về văn hóa ẩm thực ba miền
CLO5	A4	Hình thành niềm say mê nghiên cứu văn hóa ẩm thực đáp ứng thực tiễn công việc

6.51. Học phần Thực tế tuyển điểm du lịch

Mã học phần: 010409065

Số tín chỉ: 2 (0;2)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế về một số tuyến điểm du lịch cụ thể ở Việt Nam, kỹ năng tổ chức và thực hiện chương trình du lịch thông qua điền dã, quan sát và thực hành thuyết minh, thực hành kỹ năng thiết kế, tổ chức chương trình du lịch, xây dựng tổ chức các hoạt động nhóm, thực hiện kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống trong hoạt động du lịch.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được kiến thức về tuyến điểm du lịch đáp ứng yêu cầu công việc.
CLO2	S3	Thực hiện được kỹ năng, nghiệp vụ trong lĩnh vực lữ hành và khách sạn.
CLO3	S3	Xử lý được các tình huống phát sinh trong hoạt động du lịch.
CLO4	S3	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm trong hoạt động du lịch
CLO5	A3	Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp; hành vi ứng xử phù hợp với quy định về văn hóa trong môi trường làm việc; tinh thần trách nhiệm trong công việc.

6.52. Học phần Du lịch MICE

Mã học phần: 010409021

Số tín chỉ: 2 (2;0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về du lịch MICE, nhận dạng được các hoạt động trong chương trình du lịch MICE, vận dụng được các kiến thức đó để

thiết kế các tour du lịch MICE. Đồng thời, sinh viên có khả năng lập kế hoạch, quảng bá, thực hiện và giám sát các sản phẩm du lịch MICE đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Diễn giải được các kiến thức cơ bản về du lịch MICE như khái niệm du lịch MICE, đặc điểm, lợi ích, các điều kiện phát triển du lịch MICE, các bước tổ chức sự kiện trong du lịch.
CLO2	K4	Tổng hợp được nội dung của các hoạt động cung ứng dịch vụ cho khách du lịch MICE
CLO3	S3	Tổ chức được quy trình tổ chức dịch vụ MICE trong hoạt động thực tiễn tại khách sạn
CLO4	A3	Nghiêm túc, trách nhiệm trong nghiên cứu môn học, có khả năng phát triển bản thân thích nghi với môi trường làm việc khác nhau

6.53. Học phần Kỹ năng Teambuilding

Mã học phần: 010409025

Số tín chỉ: 2 (1,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các trò chơi được sử dụng trong các chương trình teambuilding, quy trình xây dựng chương trình teambuilding. Học phần cũng trang bị một số kỹ năng cần thiết như kỹ năng hoạt náo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề để sinh viên tổ chức được một chương trình teambuilding đơn giản.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được qui trình công tác chuẩn bị, tổ chức chương trình teambuilding và cách thức tổ chức các trò chơi phổ biến trong hoạt động teambuilding
CLO2	K4	Chọn lọc được các kiến thức về hoạt động teambuilding để thực hiện các công việc trong lĩnh vực du lịch.
CLO3	S2	Lập kế hoạch và tổ chức một chương trình teambuilding đơn giản
CLO4	S3	Sử dụng được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động tổ chức các chương trình du lịch teambuilding
CLO5	A3	Có thái độ hợp tác, tích cực xây dựng chương trình, hoạt động teambuilding

6.54. Học phần Tổ chức sự kiện du lịch

Mã học phần: 010409062

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Tổ chức sự kiện du lịch là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành du lịch. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tổ chức sự kiện du lịch, kế hoạch tổ chức sự kiện du lịch, chuẩn bị tổ chức sự kiện du lịch, tổ chức điều hành và kết thúc sự kiện du lịch, quản trị rủi ro trong tổ chức sự kiện du lịch.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Liên hệ được những kiến thức lý luận và thực tiễn về tổ chức sự kiện để thiết kế, đề xuất ý tưởng, tổ chức thực hiện các hoạt động văn hoá - du lịch
CLO2	S3	Có khả năng tổ chức sự kiện du lịch có quy mô nhỏ
CLO3	S3	Có khả năng làm việc nhóm và xử lý các tình huống phát sinh
CLO4	A3	Chia sẻ sự sáng tạo, hợp tác, ứng xử có văn hóa, linh hoạt và chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa.

6.55. Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn nhà hàng

Mã học phần: 010313018

Số tín chỉ: 3 (2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh chuyên ngành khách sạn nhà hàng đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ trung cấp gồm nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề trong lĩnh vực. Ngoài ra học phần tạo môi trường giúp sinh viên phát triển khả năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống nghiệp vụ; nâng cao khả năng tự học; từ đó sử dụng được Tiếng Anh trong các hoạt động du lịch liên quan đến dịch vụ khách sạn nhà hàng.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Áp dụng được các kiến thức ngôn ngữ và kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh ở trình độ trung cấp vào các hoạt động giao tiếp trong lĩnh vực khách sạn nhà hàng
CLO2	S3	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo các tình huống giao tiếp liên quan đến nghiệp vụ khách sạn nhà hàng
CLO3	S3	Giao tiếp tốt để làm việc tích cực và có hiệu quả.
CLO4	A3	Thể hiện khả năng tự học, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

6.56. Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Di tích danh thắng

Mã học phần: 010313019

Số tín chỉ: 3 (2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh chuyên ngành về những di tích danh thắng nổi tiếng, gắn liền với đời sống văn hóa tâm linh, lễ hội của người dân Việt Nam ở ba miền Bắc, Trung, Nam bao gồm Di tích hoàng thành Thăng Long, chùa Bút Tháp, thánh địa Mỹ Sơn, phố cổ Hội An, địa đạo Củ Chi ... và hệ thống di tích danh thắng tại Ninh Bình như khu du lịch sinh thái Tràng An, cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, rừng Cúc Phương... Học phần đồng thời cung cấp những thông tin hữu ích về bảo tồn và phát huy giá trị của di tích danh thắng, nâng cao vốn hiểu biết cho sinh viên, góp phần xây dựng tình yêu quê hương đất nước.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Áp dụng được các kiến thức ngôn ngữ và kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh vào các hoạt động giao tiếp về các di tích danh thắng Việt Nam và Ninh Bình
CLO2	S3	Thực hành các kỹ năng nghe, nói, thuyết trình, viết, đọc hiểu và dịch thuật bằng Tiếng Anh về các di tích danh thắng.
CLO3	S3	Giao tiếp tốt để làm việc tích cực và có hiệu quả.
CLO4	A3	Thể hiện khả năng tự học, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

6.57. Học phần Tiếng Anh chuyên ngành du lịch lữ hành

Mã học phần: 010313020

Số tín chỉ: 3 (2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng tiếng Anh có liên quan đến các chủ đề trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành như các điểm đến trên thế giới, điều hành tour, các đại lý du lịch, phương tiện đi lại, lưu trú, xúc tiến du lịch, công nghiệp hàng không, du lịch trải nghiệm, đặt phòng và bán hàng ...

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Áp dụng được các kiến thức ngôn ngữ và kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh vào các hoạt động giao tiếp trong lĩnh vực du lịch lữ hành.
CLO2	S3	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo các tình huống giao tiếp liên quan đến nghiệp vụ lữ hành
CLO3	S3	Giao tiếp tốt để làm việc tích cực và có hiệu quả.
CLO4	A3	Thể hiện khả năng tự học, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

6.58. Học phần Sáng tạo và khởi nghiệp**Mã học phần:** 010511024**Số tín chỉ:** 2 (1,1)**Loại học phần:** Bắt buộc**a) Mô tả học phần:**

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp sáng tạo: cách thức xác định cơ hội, phát triển cơ hội, đánh giá và hành động để biến cơ hội thành những sản phẩm, dịch vụ phục vụ đời sống con người

Sinh viên được thực hành và trải nghiệm thực tế về quá trình khởi nghiệp sáng tạo.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những vấn đề cơ bản về sáng tạo và khởi nghiệp
CLO2	K3	Sử dụng những kiến thức cơ bản về sáng tạo và khởi nghiệp để xác định cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng, lập kế hoạch và triển khai hoạt động khởi nghiệp trong thực tế.
CLO3	S2	Hình thành ý tưởng kinh doanh
CLO4	S2	Lập kế hoạch kinh doanh dựa trên một ý tưởng khởi nghiệp cụ thể
CLO5	A3	Thể hiện được tinh thần doanh nhân và có trách nhiệm trong công việc

6.59. Học phần Hán Nôm du lịch**Mã học phần:** 010203016**Số tín chỉ:** 2 (1,1)**Loại học phần:** Tự chọn**a) Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm, cung cấp các kiến thức Hán Nôm phục vụ du lịch theo *thể loại văn* và theo *phân vùng du lịch* (vùng du lịch miền Bắc, vùng du lịch miền Trung, vùng du lịch miền Nam).

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Áp dụng được những kiến thức đã học về chữ Hán và chữ Nôm để hiểu được những vấn đề cơ bản của chữ Hán, chữ Nôm có trong chương trình.
CLO2	K3	Áp dụng được các kiến thức Hán Nôm đã học vào hoạt động du lịch.
CLO3	S2	Đánh giá được giá trị của các văn bản hán nôm tại các điểm di tích lịch sử văn hóa có trong chương trình học phục vụ phát triển du lịch.

6.60. Học phần Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh

Mã học phần: 010408024

Số tín chỉ: 2 (1,1)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp trong kinh doanh, các nguyên tắc giao tiếp sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ thông qua việc áp dụng lý thuyết giao tiếp vào những bối cảnh và công việc cụ thể như giao tiếp bằng văn bản, email, tin nhắn, giao tiếp bằng báo cáo kinh doanh và thuyết trình trong kinh doanh.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được một số vấn đề cơ bản trong giao tiếp kinh doanh
CLO2	K3	Vận dụng được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản trong kinh doanh
CLO3	S3	Thực hiện linh hoạt các phương tiện giao tiếp trong hoạt động kinh doanh
CLO4	S2	Thu thập các thông tin giao tiếp để đưa ra các lập luận logic, thuyết phục trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống

6.61. Học phần Kỹ năng thuyết trình

Mã học phần: 010408015

Số tín chỉ: 2 (1,1)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp kiến thức chung về thuyết trình, lợi ích của thuyết trình, trong đó tập trung đi sâu vào kỹ năng tiến hành hoạt động thuyết trình. Qua đó giúp sinh viên nắm được vai trò, kỹ năng thuyết trình đối với hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh du lịch nói riêng, tạo cho sinh viên có thái độ chủ động, tự tin vận dụng vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Diễn giải được các đặc điểm của kỹ năng thuyết trình
CLO2	K3	Áp dụng được các kỹ năng thuyết trình vào thực tế công việc
CLO3	S3	Thực hiện linh hoạt kỹ năng thuyết trình trong giao tiếp ứng xử, đàm phán...
CLO4	A3	Đưa ra khả năng thuyết phục và gây ấn tượng lòng người trong thực tiễn công việc.

6.62. Học phần Trải nghiệm nghề nghiệp

Mã học phần: 010409055

Số tín chỉ: 2 (0,2)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần giúp sinh viên làm quen với môi trường trong ngành du lịch. Học phần cung cấp trải nghiệm cho sinh viên tại doanh nghiệp du lịch và một số khu, điểm du lịch, từ đó hình thành kỹ năng cơ bản: kỹ năng quan sát và làm việc nhóm; kỹ năng phân tích và đánh giá.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Xác định được những kiến thức cơ bản cần có trong hoạt động du lịch.
CLO2	S2	Thực hiện được một số thao tác, nghiệp vụ đơn giản tại doanh nghiệp và khu, điểm du lịch.
CLO3	A2	Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp; tinh thần trách nhiệm trong công việc.

6.63. Học phần Thực tập nghiệp vụ du lịch

Mã học phần: 010409058

Số tín chỉ: 4 (0,4)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học đưa sinh viên thực tập tại các vị trí nghề nghiệp du lịch dưới sự hướng dẫn của người phụ trách tại cơ sở thực tập, nhằm nâng cao tay nghề và kỹ năng làm việc hiệu quả, đồng thời giúp sinh viên trau dồi thêm các kiến thức liên quan đến quản trị dịch vụ du lịch, góp phần đưa các kiến thức được học để áp dụng vào thực tiễn công việc của mình.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Áp dụng được các kiến thức về quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch trong quá trình thực hiện các công việc
CLO2	S3	Thực hiện được kỹ năng nghiệp vụ cơ bản tương ứng với các vị trí công việc thực tập tại doanh nghiệp
CLO3	S3	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm tại doanh nghiệp
CLO4	S2	Sử dụng được tiếng anh và tin học ở mức độ cơ bản đáp ứng được vị trí thực tập tại doanh nghiệp
CLO5	A3	Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp; hành vi ứng xử phù hợp với quy định về văn hóa trong môi trường làm việc.

6.64. Học phần Thực tập

Mã học phần: 010409054

Số tín chỉ: 8 (0,8)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Thông qua học phần Thực tập tại doanh nghiệp, sinh viên nắm vững và vận dụng được kiến thức vào trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. Sinh viên sẽ được gửi đến các doanh nghiệp du lịch để thực tập. Dưới sự hỗ trợ của quản lý tại đơn vị thực tập, sinh viên được phân công lần lượt thực tập tại hầu hết các bộ phận trong doanh nghiệp du lịch nói chung và doanh nghiệp lữ hành nói riêng. Sinh viên sẽ được tiếp xúc, trao đổi chuyên môn với các nhà quản lý, các nhân viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực du lịch. Cuối đợt thực tập mỗi sinh viên phải viết báo cáo thu hoạch.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	S4	Xác định và thực hiện được các công việc của các chức danh nhân viên (mà sinh viên được thực tập) tại doanh nghiệp du lịch
CLO2	S4	Xử lý được một số tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ
CLO3	S3	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh du lịch
CLO4	S3	Sinh viên có năng lực trình bày văn bản qua việc sử dụng các ứng dụng tin học
CLO5	A3	Thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và nhận thức đúng đắn và nghề nghiệp đang theo học
CLO6	A3	Có thái độ tích cực, chủ động tự tin và chuyên nghiệp trong công việc

6.65. Học phần Khóa luận tốt nghiệp

Mã học phần: 010409053

Số tín chỉ: 8(0.8)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa được kiến thức về lĩnh vực dịch vụ du lịch đã chọn thông qua việc tiếp cận thực tiễn và tự nghiên cứu vấn đề của một đơn vị hoặc một điểm, khu du lịch, một địa phương cụ thể. Đồng thời, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch, giúp nâng cao năng lực phân tích và tư vấn cho sinh viên bằng việc phân tích vấn đề thực tiễn và đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp kiến thức lý thuyết chuyên ngành vào phân tích đánh giá thực trạng của vấn đề nghiên cứu và đề xuất các

		giải pháp
CLO2	S3	Sử dụng tư duy phản biện trong phân tích các khía cạnh chuyên môn thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch
CLO3	S3	Thu thập và xử lý thành thạo dữ liệu liên quan đến thực trạng vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch
CLO4	S3	Hoàn thiện kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo
CLO5	A3	Có khả năng tự định hướng, tự học tập và nghiên cứu

6.66. Học phần Thống kê du lịch

Mã học phần: 010409028 **Số tín chỉ:** 2 (2;0) **Loại học phần:** Thay thế khóa luận

a) Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê trong du lịch như: thống kê tài nguyên du lịch, thống kê lượng khách, doanh thu, thống kê cơ sở vật chất kỹ thuật, thống kê lao động - tiền lương và tài chính trong doanh nghiệp du lịch.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Phân tích được những kiến thức cơ bản của thống kê du lịch để quản trị doanh nghiệp du lịch và hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh.
CLO2	S2	Đánh giá được các nguồn lực của doanh nghiệp du lịch như: tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động và có khả năng dự báo thị trường du lịch.
CLO3	A3	Có tính thần hợp tác, chịu trách nhiệm trong công việc

6.67. Học phần Du lịch bền vững

Mã học phần: 010409063 **Số tín chỉ:** 3 (3;0) **Loại học phần:** Thay thế khóa luận

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm, tìm hiểu hoạt động du lịch bền vững tại các vùng sinh thái nhạy cảm và nghiên cứu hoạt động du lịch bền vững tại một số điểm đến điển hình.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Triển khai được những kiến thức lý luận cơ bản về du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm.
CLO2	K4	Xác định được hoạt động du lịch bền vững tại một số điểm đến điển hình
CLO3	A4	Giữ gìn và bảo vệ các giá trị tài nguyên du lịch dựa trên nguyên tắc bền vững

6.68. Học phần Thương mại điện tử trong du lịch**Mã học phần:** 010409064**Số tín chỉ:** 3 (3;0)**Loại học phần:** Thay thế khóa luận**a) Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, xu hướng phát triển của du lịch trực tuyến và những ứng dụng của thương mại điện tử trong du lịch. Đồng thời, học phần cũng trang bị những kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể áp dụng những công cụ của thương mại điện tử vào công tác tổ chức kinh doanh tại các doanh nghiệp du lịch

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các kiến thức cơ bản về thương mại điện tử trong du lịch
CLO2	K4	Phân biệt được các công cụ marketing du lịch trực tuyến
CLO3	S3	Hình thành được kỹ năng xây dựng các giải pháp, khuyến nghị các vấn đề liên quan đến thương mại điện tử trong kinh doanh du lịch
CLO4	A3	Có khả năng làm việc độc lập, thể hiện được tính chuyên nghiệp, trung thực, có trách nhiệm.